

LỜI CẢM ƠN

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy cô trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức, nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán – Kiểm toán và cả những kinh nghiệm quý báu, sự hữu ích cho bản thân em trong thời gian học tập và cả sau này.

Thầy giáo – Th.s Nguyễn Đức Kiên đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập đến khi hoàn thành bài khóa luận.

Tập thể cán bộ công nhân viên Công ty TNHH Đức Anh đã tạo cho em cơ hội được thực tập tại Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty, nhiệt tình hướng dẫn cung cấp thông tin số liệu có liên quan đến đề tài nghiên cứu giúp em hoàn thành luận văn đúng thời gian và nội dung quy định.

Em xin chúc quý thầy cô, cán bộ công nhân viên công ty Đức Anh dồi dào sức khỏe, thành công trong công việc chúc quý công ty kinh doanh ngày càng đạt hiệu quả cao.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....1

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....1	1
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....2	2
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....3	3
1.3.1. Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí.....3	3
1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục chi phí.....4	4
1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí.....5	5
1.4. Phân loại giá thành.....6	6
1.4.1. Phân loại giá thành theo thời điểm tính giá thành.....6	6
1.4.2. Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí.....7	7
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.....7	7
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....7	7
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....9	9
1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm.....10	10
1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất.....11	11
1.6.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp.....11	11
1.6.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp.....12	12
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....12	12
1.7.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp.....12	12
1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí.....13	13
1.7.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số.....13	13

1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ.....	14
1.7.5. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ.....	15
1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng.....	15
1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.....	16
1.7.8. Tính giá thành theo phương pháp định mức.....	18
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang.....	18
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	19
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương.....	19
1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.....	20
1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức.....	20
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	21
1.9.1. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	21
1.9.2. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	26
1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.....	27

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH...31

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.....	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty...32	32
2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động.....	35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.....	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đức Anh.....	37

2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.....	40
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty.....	40
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty.....	41
2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	41
2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành.....	41
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành.....	41
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.....	41
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	41
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.....	51
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung.....	58
2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.....	70
 CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH.....	
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty.....	74
3.1.1. Ưu điểm.....	74
3.1.2. Nhược điểm.....	76
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.....	77
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.....	79
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm tại Công ty.....	79
3.4.1. Kiến nghị 1 : Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán.....	79

3.4.2. Kiến nghị 2: Vấn đề tiền lương.....	80
3.4.3. Kiến nghị 3 : Về các thiệt hại trong quá trình sản xuất.....	80
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.....	84
3.4.5. Kiến nghị 5: Về cách thức phân loại chi phí.....	85
3.4.5. Kiến nghị 6: Về sổ sách kế toán	86

KẾT LUẬN

DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ

Danh mục sơ đồ

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí sản xuất chung

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất bao bì tại Công ty TNHH Đức Anh.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy quản lý Công ty TNHH Đức Anh.

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán Công ty TNHH Đức Anh.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ của Công ty.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 3.1: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được.

Sơ đồ 3.2: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

Sơ đồ 3.3: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch.

Sơ đồ 3.4: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.

Sơ đồ 3.5: Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

Danh mục bảng biểu

Biểu số 2.1: Phiếu xuất kho

Biểu số 2.2: Phiếu xuất kho

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Biểu số 2.4: Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Biểu số 2.5: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Biểu số 2.6: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.7: Sổ cái

Biểu số 2.8: Bảng chấm công

Biểu số 2.9: Bảng thanh toán lương

Biểu số 2.10: Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Biểu số 2.11: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.12: Sổ cái

Biểu số 2.13: Bảng phân bổ chi phí nhân công

Biểu số 2.14: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Biểu số 2.15: Phiếu xuất kho

Biểu số 2.16: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao

Biểu số 2.18: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.19: Phiếu chi

Biểu số 2.20: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.21: Sổ cái

Biểu số 2.22: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung

Biểu số 2.23: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Biểu số 2.24: Thẻ tính giá thành

Biểu số 2.25: Phiếu nhập kho

Biểu số 2.26: Chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.27: Sổ cái

Biểu số 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, giá thành luôn là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Giá thành chính là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi kỳ kinh doanh vì trước khi quyết định lựa chọn sản xuất bất kỳ một loại sản phẩm nào thì bản thân doanh nghiệp phải nắm bắt được nhu cầu thị trường, giá cả thị trường và điều tất yếu phải xác định đúng đắn mức chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải đầu tư. Doanh nghiệp muốn chiến thắng trong cạnh tranh bên cạnh việc nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm thì hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp hữu hiệu. Để hạ giá thành sản phẩm thì một vấn đề mà các doanh nghiệp cần quan tâm nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất. Do đó, công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp là rất quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Đức Anh nói riêng, trong thời gian thực tập tại Công ty em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh” làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn trau dồi và củng cố kiến thức về mặt lý luận cũng như học hỏi kinh nghiệm thực tế để hoàn thiện hơn những kiến thức đã học trong trường và phục vụ cho công việc sau này.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu để làm rõ những nhận thức về tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất.
- Làm rõ thực trạng về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.
- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu các khoản mục chi phí được tập hợp để tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

◆ Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...

◆ Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

5. Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm có 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

Chương III: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

Mặc dù em đã có nhiều cố gắng để hoàn thành bài khóa luận một cách khoa học và hợp lý nhưng do khả năng và thời gian thực tập hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô để em có điều kiện bổ sung, hoàn thiện kiến thức phục vụ cho công việc sau này.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Sự phát sinh và phát triển xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Trong doanh nghiệp sản xuất là nơi trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Như vậy có thể nói bất kỳ một hoạt động sản xuất nào cũng đều phải có sự kết hợp ba yếu tố cơ bản đó là:

- Tư liệu lao động: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác
- Đối tượng lao động: Nguyên nhiên vật liệu
- Sức lao động của con người

Các yếu tố đó chính là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất ra những lượng sản phẩm vật chất tương ứng. Nhất là trong nền kinh tế thị trường sự hạch toán kinh doanh cũng như các quan hệ trao đổi đều được tiền tệ hoá. Như vậy, các chi phí sản xuất mà doanh nghiệp chi ra luôn được tính toán và được đo lường bằng tiền và gắn với một thời gian xác định như (tháng, quý, năm). Các chi phí đó bao gồm : hao phí lao động sống là hao phí trong việc sử dụng lao động như tiền lương, tiền công, lao động vật hóa là những lao động quá khứ đã được tích lũy trong các yếu tố vật chất được sử dụng để sản xuất như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên liệu, vật liệu.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm) chi phí sản xuất phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng việc tập hợp chi phí và tính chi phí phải phù hợp với từng thời kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Chỉ những chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong kỳ mới được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ. Khi xem xét về bản chất của chi phí trong doanh nghiệp, cần xác định rõ các mặt sau:

Chi phí của doanh nghiệp phải được đo lường và tính toán bằng tiền trong một khoảng thời gian xác định.

Độ lớn của chi phí phụ thuộc vào 2 nhân tố chủ yếu: khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí.

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm lao vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp nhất phản ánh đầy đủ sự hao phí của tất cả các mặt. Giá thành biểu hiện trình độ, quy mô, tổ chức, tính hiện đại hay lạc hậu về mặt kỹ thuật của nền sản xuất, là chỉ tiêu cơ bản để lập kế hoạch sản xuất sản phẩm. Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất bao gồm hai mặt đối lập nhau: một mặt là các chi phí doanh nghiệp đã chi ra, một mặt là kết quả sản xuất thu được.

Những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội cần được tính giá thành hay nói cách khác cần phải tính những chi phí đã bỏ ra để sản xuất chúng.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như tính đúng đắn của các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật. Những chi phí đưa vào giá thành sản phẩm phản ánh được giá trị thực của các tư liệu sản xuất tiêu dùng cho sản xuất và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp gián đơn hao phí lao động sống. Kết quả thu được là sản phẩm, công việc lao vụ đã hoàn thành đánh giá được mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh có mối quan hệ với nhau và giống nhau về chất. Chúng đều là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá của doanh nghiệp. Tuy vậy, chúng vẫn có sự khác nhau trên các phương diện sau:

- Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất không tính đến chi phí liên quan đến số lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm giới hạn số chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành.

- Về mặt lượng: Nói đến chi phí sản xuất là xét đến các hao phí trong một thời kỳ còn giá thành sản phẩm liên quan đến chi phí của cả kỳ trước chuyển sang và số chi phí kỳ này chuyển sang kỳ sau. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tính giá thành sản phẩm tổng quát sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \textit{Tổng giá} & & \textit{Chi phí sản} & & \textit{Tổng chi phí sản} & & \textit{Chi phí sản xuất} \\ \textit{thành sản} & = & \textit{xuất dở dang} & + & \textit{xuất phát sinh} & - & \textit{dở dang} \\ \textit{phẩm} & & \textit{đầu kỳ} & & \textit{trong kỳ} & & \textit{cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, chi phí sản xuất là cơ sở để xây dựng giá thành sản phẩm còn giá thành là cơ sở để xây dựng giá bán. Trong điều kiện nếu giá bán không thay đổi thì sự tiết kiệm hoặc lãng phí của doanh nghiệp về chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành từ đó sẽ tác động tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của công tác quản lý kinh tế. Nó giúp cho doanh nghiệp cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất có nhiều loại, nhiều khoản khác nhau cả về nội dung, tính chất, công dụng, mục đích, vai trò. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, để thuận lợi cho quá trình quản lý hạch toán cũng như nhằm sử dụng tiết kiệm, hợp lý chi phí thì cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí. Xuất phát từ các mục đích, yêu cầu khác nhau của quản lý thì chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Trên cơ sở đó để tiến hành và tổ chức tốt công tác kế toán. Kế toán tiến hành lựa chọn một trong những tiêu thức phân loại chủ yếu sau:

1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế của chi phí)

Căn cứ vào tính chất kinh tế của các chi phí sản xuất khác nhau, để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất mà không phân biệt công dụng cụ thể, địa điểm phát

sinh chi phí. Theo sự phân chia như vậy thì toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố chi phí sau:

◆ Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, chi phí nhiên liệu và chi phí nguyên vật liệu khác sử dụng vào sản xuất.

◆ Chi phí nhân công: Yếu tố này bao gồm các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.

◆ Chi phí khấu hao TSCĐ: Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

◆ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất của doanh nghiệp.

◆ Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

Cách phân loại chi phí theo yếu tố có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Đó cũng là căn cứ để tập hợp và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố cung cấp cho quản trị doanh nghiệp.

1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

Theo tiêu thức này chi phí sản xuất được chia theo khoản mục với cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế và phân bổ chi phí cho từng đối tượng thì được sắp xếp vào một khoản mục không phân biệt tính chất kinh tế của nó.

Theo sự phân chia như vậy thì chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục chi phí sau:

◆ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ. Không tính vào khoản mục này chi phí nguyên, nhiên vật liệu dùng cho mục đích phục vụ sản xuất chung hay những hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất.

◆ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh, tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm. Không tính vào khoản mục này các khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích tiền lương của nhân viên quản lý, phục vụ phân xưởng, bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

◆ Chi phí sản xuất chung: là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất (trừ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp)

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu chí này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ (theo cách ứng xử của chi phí)

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

◆ Chi phí biến đổi (biến phí): Là những chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với biến động về mức độ hoạt động (khối lượng sản xuất ra trong kỳ).

◆ Chi phí cố định (định phí): Là những khoản chi phí không đổi trong phạm vi phù hợp khi mức độ hoạt động thay đổi.

◆ Chi phí hỗn hợp: Là những khoản chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

Phân loại chi phí theo cách ứng xử có tác dụng lớn đối với công tác quản trị phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết, giúp doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên thị trường.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm

Phân loại giá thành giúp cho kế toán nghiên cứu và quản lý, hạch toán tốt giá thành sản phẩm và cũng đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng giá cả sản phẩm. Dựa vào tiêu thức khác nhau và xét dưới nhiều góc độ mà người ta phân chia thành các loại khác nhau.

1.4.1. Phân loại giá thành xét theo thời điểm tính giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 3 loại như sau :

- Giá thành kế hoạch : Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Giá thành kế hoạch là giá thành mà các doanh nghiệp lấy nó làm mục tiêu phấn đấu, nó là căn cứ để so sánh phân tích đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức : Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm và là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng vật tư, tài sản lao động trong sản xuất. Giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí trong quá trình sản xuất. Giá thành định mức giúp cho việc đánh giá tính đúng đắn của các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã áp dụng trong sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Giá thành thực tế : Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí thực tế phát sinh tổng hợp trong kỳ và sản lượng sản phẩm đã sản xuất trong kỳ, sau khi đã hoàn thành việc sản xuất sản phẩm dịch vụ và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế, là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là cơ sở để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 2 loại như sau :

- Giá thành sản xuất: Là giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Giá thành sản xuất được sử dụng để hạch toán thành phẩm nhập kho và giá vốn hàng bán (trong trường hợp bán thẳng cho khách hàng không qua nhập kho). Giá thành sản xuất là căn cứ để xác định giá vốn hàng bán của các doanh nghiệp.

- Giá thành toàn bộ: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do vậy giá thành toàn bộ được tính theo công thức :

$$\text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ} = \text{Giá thành sản xuất của sản phẩm tiêu thụ} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Giá thành toàn bộ chỉ được xác định khi sản phẩm được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm

1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

- Nơi phát sinh chi phí như: các bộ phận sản xuất, các giai đoạn công nghệ
- Đối tượng chịu chi phí: nhóm sản phẩm, sản phẩm, chi tiết sản phẩm, đơn đặt hàng...

Tuỳ thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu công tác tính giá thành mà đối tượng hạch toán chi phí có tác dụng phục vụ cho việc tăng cường

quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời, đúng đắn.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp phải dựa vào các cơ sở sau:

* Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất

+ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn không chia thành các giai đoạn cụ thể rõ rệt thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất.

+ Đối với những doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng bộ phận, từng nhóm chi tiết, từng chi tiết các giai đoạn chế biến...

* Dựa vào loại hình sản xuất của doanh nghiệp

+ Loại hình sản xuất đơn chiếc và sản xuất hàng loạt nhỏ thì đối tượng hạch toán chi phí có thể là các sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...

+ Loại hình sản xuất đồng loạt với khối lượng lớn: Phụ thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...

* Dựa vào yêu cầu và trình độ quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh

+ Theo yêu cầu và trình độ quản lý: Nếu yêu cầu quản lý ngày càng cao, trình độ và khả năng của nhân viên quản lý càng tốt thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ngày càng chi tiết và ngược lại.

+ Theo cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp: Nếu doanh nghiệp tổ chức theo kiểu phân xưởng thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là theo phân xưởng còn lại thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ doanh nghiệp.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí và phù hợp với đặc điểm của đơn vị và yêu cầu quản lý có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất. Từ việc tổ chức công tác hạch toán ban đầu đến tổng hợp số liệu ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...

1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất.

Khi tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ phải căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh loại sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất mà thực hiện xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp với thực tế của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp sản xuất có tính đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Nếu sản xuất chế tạo hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoặc hoạt động dịch vụ đã hoàn thành.

Mặt khác, khi xác định đối tượng tính giá thành còn phải căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Nếu quy trình sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ. Nếu quy trình sản xuất phức tạp, liên tục thì đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng đã hoàn thành.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp giúp kế toán mở sổ kế toán, các bảng tính giá và giá thành sản phẩm theo từng đối tượng cần quản lý và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả.

Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành:

Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là điều kiện tiên đề để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất đều là những phạm vi và giới hạn mà chi phí sản xuất phát sinh đã được tập hợp và tính toán. Cụ thể:

+ Đối tượng tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc là đối tượng chịu chi phí còn đối tượng tính giá thành chỉ là đối tượng chịu chi phí.

+ Khi quy trình sản xuất sản phẩm dạng đơn thì đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một. Trong kỳ sản xuất, nếu không có chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp trong kỳ cũng chính là giá thành sản phẩm.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng lại có quy cách và phẩm chất khác nhau thì đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng phải trải qua nhiều công đoạn chế tạo gia công liên tục thì một đối tượng tính giá thành lại bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở mỗi công đoạn chế tạo.

1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Việc xác định kỳ tính giá thành một cách hợp lý sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, kịp thời.

Dựa vào đặc điểm sản xuất - chu kỳ sản xuất, sản xuất theo đơn đặt hàng hàng loạt... và yêu cầu quản lý mà kỳ tính giá thành là tháng, quý, năm hay khi hoàn thành đơn đặt hàng.

Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất sản phẩm với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng.

Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành (trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phù hợp với kỳ báo cáo).

1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Tuỳ theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng các phương pháp hạch toán tập hợp chi phí thích hợp.

Có hai phương pháp tập hợp chi phí sản xuất mà các doanh nghiệp thường áp dụng

1.6.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp: Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

Đây là phương pháp tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, nó cũng có ý nghĩa lớn đối với kế toán quản trị doanh nghiệp.

Thông thường chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp thường áp dụng phương pháp này.

1.6.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp: áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí.

- Xác định hệ số phân bổ.

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng các tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

- Xác định chi phí phân bổ cho từng đối tượng

$$C_i = T_i \times H$$

C_i : Là chi phí phân bổ cho đối tượng thứ i

T_i : Là tiêu thức phân bổ cho đối tượng thứ i

H : hệ số phân bổ

- Tiêu thức phân bổ hợp lý giữ vai trò quan trọng trong khi tập hợp chi phí gián tiếp. Bởi vậy, việc lựa chọn tiêu thức phân bổ phải tùy thuộc vào loại chi phí sản xuất và các điều kiện cho phép khác như : định mức tiêu hao nguyên vật liệu, sản lượng sản xuất được. Lựa chọn tiêu thức hợp lý là cơ sở để tập hợp chi phí chính xác cho các đối tượng tính giá thành có liên quan.

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.7.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp (giản đơn)

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác (quặng, than...)

Giá thành sản phẩm được tính bằng cách trực tiếp lấy tổng số chi phí sản xuất (+) hoặc (-) số chênh lệch giữa giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ so với cuối kỳ chia cho số lượng sản phẩm hoàn thành được thể hiện theo công thức dưới đây:

$$Z = Dđk + Cps - Dck$$

$$Zđv = \frac{Z}{Qht}$$

Dđk, Dck: Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

Cps: Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Z, Zđv: Tổng giá thành và giá thành đơn vị

Qht: Số lượng sản phẩm hoàn thành

1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất gồm nhiều giai đoạn công nghệ như trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo máy, may mặc...

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

$Z_1, Z_2, Z_3, \dots, Z_n$ là giá thành hay tổng chi phí sản xuất của giai đoạn hoặc bộ phận 1, 2, 3, ..., n.

1.7.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm khác nhau. Vì vậy, chi phí không

hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Phương pháp này kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Q}_0\text{)}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i \text{ (Z}_i\text{)} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i \text{ (H}_i\text{)}$$

$$\text{Trong đó } Q_0 = \sum_{i=1}^n Q_i \times H_i$$

Q_i : Số lượng sản phẩm thứ i chưa quy đổi

H_i : Hệ số quy đổi sản phẩm thứ i

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản xuất các} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo (dụng cụ, phụ tùng...). Để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (định mức) kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại} = \text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức đơn vị sản phẩm từng loại} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

1.7.5. Tính giá thành theo phương pháp loại trừ sản phẩm phụ

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được các sản phẩm phụ như các doanh nghiệp mía đường, bia. Để tính giá trị sản phẩm chính kế toán phải loại trừ giá trị sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Tổng chi} & & \text{Giá trị sản} & & \text{Giá trị sản} \\ \text{thành sản} & = & \text{phẩm chính} & + & \text{phí sản xuất} & + & \text{phẩm phụ} & = & \text{phẩm chính} \\ \text{phẩm} & & \text{dở dang đầu} & & \text{phát sinh} & & \text{thu hồi} & & \text{dở dang cuối} \\ \text{chính} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, kế toán tiến hành tập hợp chi phí theo từng đơn đặt hàng. Đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Việc tính giá thành này chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Đối với các chi phí trực tiếp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo chứng từ gốc phát sinh.

Đối với chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đơn đặt hàng thì tập hợp riêng, sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp (tiền lương của công nhân sản xuất, giờ công sản xuất...). Cuối kỳ kế toán, nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được cho đơn đặt hàng đó được coi là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với đơn đặt hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp được cho đơn đặt hàng đó là tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

1.7.7. Tính giá thành theo phương pháp phân bước

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh. Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

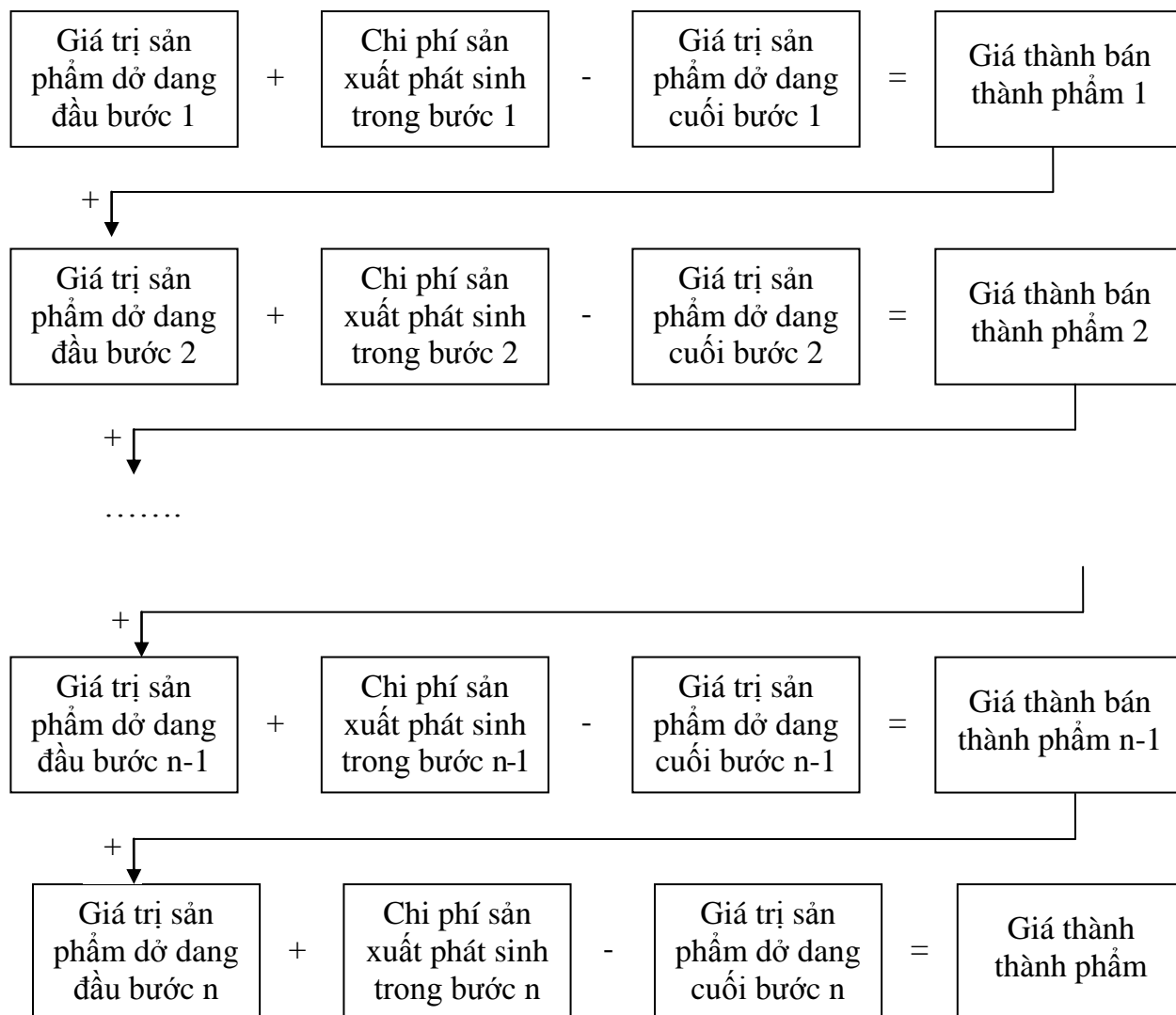
Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

❖ ***Phương án 1:*** Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự)

Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ.

Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuần tự theo từng khoản mục chi phí. Sau đây là trình tự tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước:

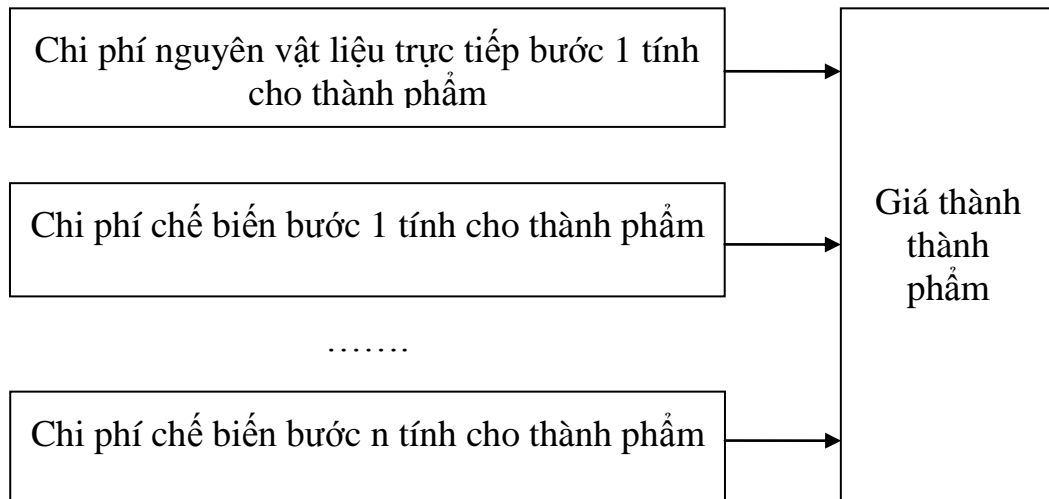
**Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước
có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp
sản xuất sản phẩm phải qua n bước**



❖ **Phương án 2:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển song song)

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm



1.7.8. Tính giá thành theo phương pháp định mức

Phương pháp này được áp dụng đối với doanh nghiệp có hệ thống thẩm định kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm kinh doanh, đồng thời phải tổ chức được hệ thống hạch toán có khả năng cung cấp và phân tích những chênh lệch do thay đổi định mức và do thực hiện định mức. những thông tin này giúp người quản lý phát hiện kịp thời chính xác nguyên nhân mức tăng hoặc tiết kiệm chi phí sản xuất từ đó đề ra biện pháp khắc phục những nguyên nhân gây ra khoản chênh lệch trên nhằm giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Cách tính giá thành sản phẩm theo công thức :

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Giá thành} & & \text{Giá thành} & & \text{Chênh lệch do} & & \text{Chênh lệch do} \\
 \text{thực tế} & = & \text{định mức} & \pm & \text{thay đổi} & \pm & \text{thực hiện} \\
 \text{sản phẩm} & & \text{sản phẩm} & & \text{định mức} & & \text{định mức}
 \end{array}$$

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất gia công, chế biến đang nằm trong các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm.

Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định và tính toán phần chi phí sản xuất còn nằm trong phần sản phẩm dở dang cuối kỳ là một trong những yếu tố quyết định tính hợp lý của giá thành sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Các thông

tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến trị giá hàng tồn kho trên bảng cân đối mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ. Tùy theo đặc điểm tì

nh hình cụ thể về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu chi phí, yêu cầu trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp.

1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tiêu chuẩn quy đổi thường căn cứ vào giờ công hoặc tiền lương định mức.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngay từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\frac{\text{Chi phí NVL trong sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Chi phí NVL dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}} \times \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\frac{\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}} \times \frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}}$$

$$\frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \frac{\text{Mức độ hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}$$

Khi áp dụng phương pháp này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn nên mất nhiều thời gian. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang nặng tính chủ quan. Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp mà sản phẩm của doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong tổng chi phí sản phẩm không quá lớn, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều biến động lớn so với đầu kỳ.

1.8.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến

Để đơn giản việc tính toán, đối với những sản phẩm mà chi phí chế biến chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi phí, kế toán thường sử dụng phương pháp này. Thực chất phương pháp này là một dạng của phương pháp đánh giá dở dang theo sản lượng ước tính tương đương, trong đó chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được giả định luôn hoàn thành 50%.

1.8.4. Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp định mức

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất để tính ra giá trị từng sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \\ \text{Chi phí sản xuất định mức đơn vị sản phẩm} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ} \\ \text{hoàn thành} \end{array} \right)$$

Phương pháp này chỉ áp dụng thích hợp với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức và dự toán chi phí hoặc thực hiện phương pháp tính giá thành định mức.

1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm

1.9.1. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.9.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng lượng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng.

Để kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK 621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kết cấu chủ yếu của TK này như sau:

Bên nợ: Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

Bên có: + Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.

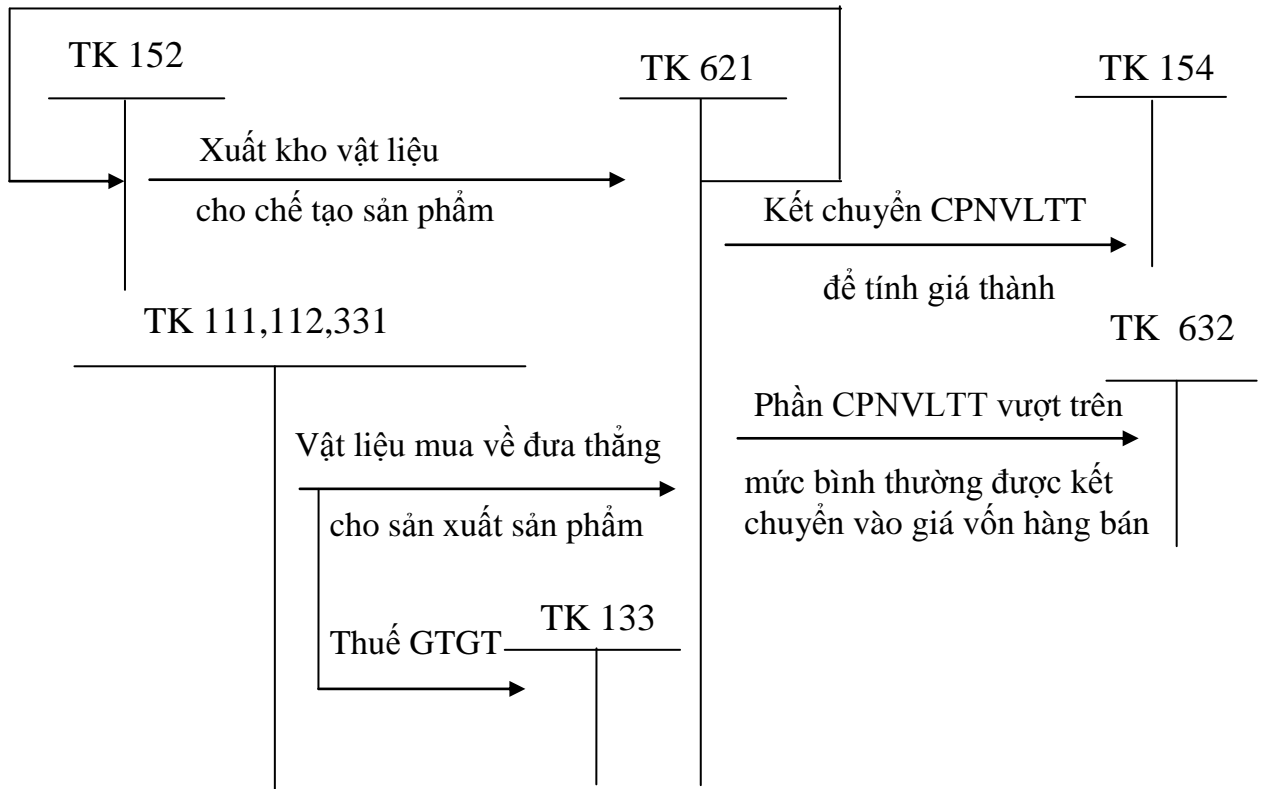
+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho



1.9.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ gồm tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT KPCĐ theo số tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Giống như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp thường là các khoản chi phí trực tiếp nên nó được tập hợp trực tiếp vào các đối tượng chi phí liên quan. Trong trường hợp không tập hợp trực tiếp được thì chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp chung sau đó kế toán tiến hành phân bổ cho từng đối tượng theo một tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Các tiêu chuẩn thường được sử dụng để phân bổ chi phí nhân công trực tiếp là : chi phí tiền lương định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức, giờ công thực tế, khối lượng sản phẩm sản xuất ra...

Để kế toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp. Kết cấu cơ bản của TK này như sau:

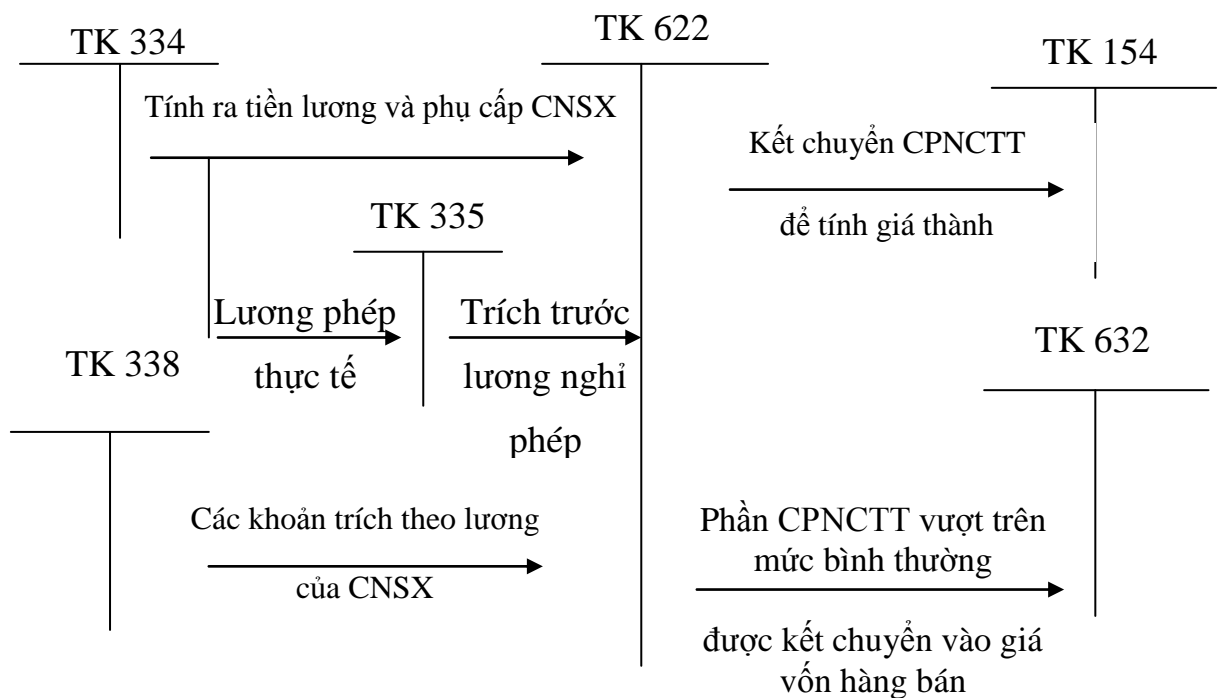
Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK 632 “giá vốn hàng bán”

TK 622 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.



1.9.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Mặt khác, chi phí sản xuất chung còn được tập hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi. Cuối kỳ, sau khi đã tập hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Việc tính toán và xác định chi phí sản xuất chung tính vào chi phí chế biến sản phẩm còn phải căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc, thiết bị.

Chi phí sản xuất cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản xuất được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Trường hợp

mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất thấp hơn công suất bình thường, phần chi phí chung không được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết trong kỳ theo chi phí thực tế.

Kế toán sử dụng TK 627 – chi phí sản xuất chung để tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung. Kết cấu của TK này như sau :

Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên có: + Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung (nếu có)

+ Chi phí sản xuất chung được phân bổ, kết chuyển chi phí cho các đối tượng chịu chi phí.

+ Chi phí sản xuất chung không được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở 6 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí.

TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK 6272: Chi phí vật liệu

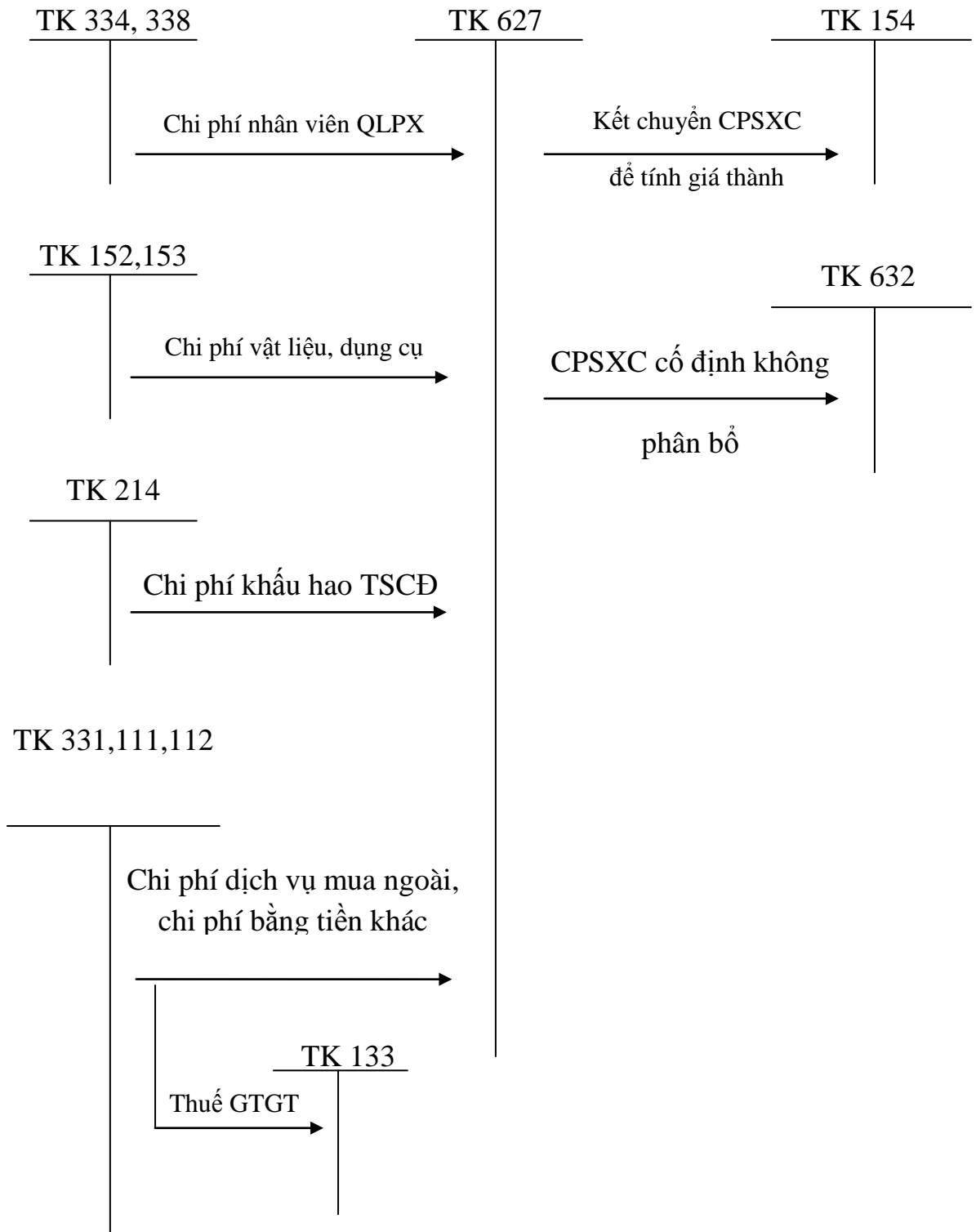
TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định

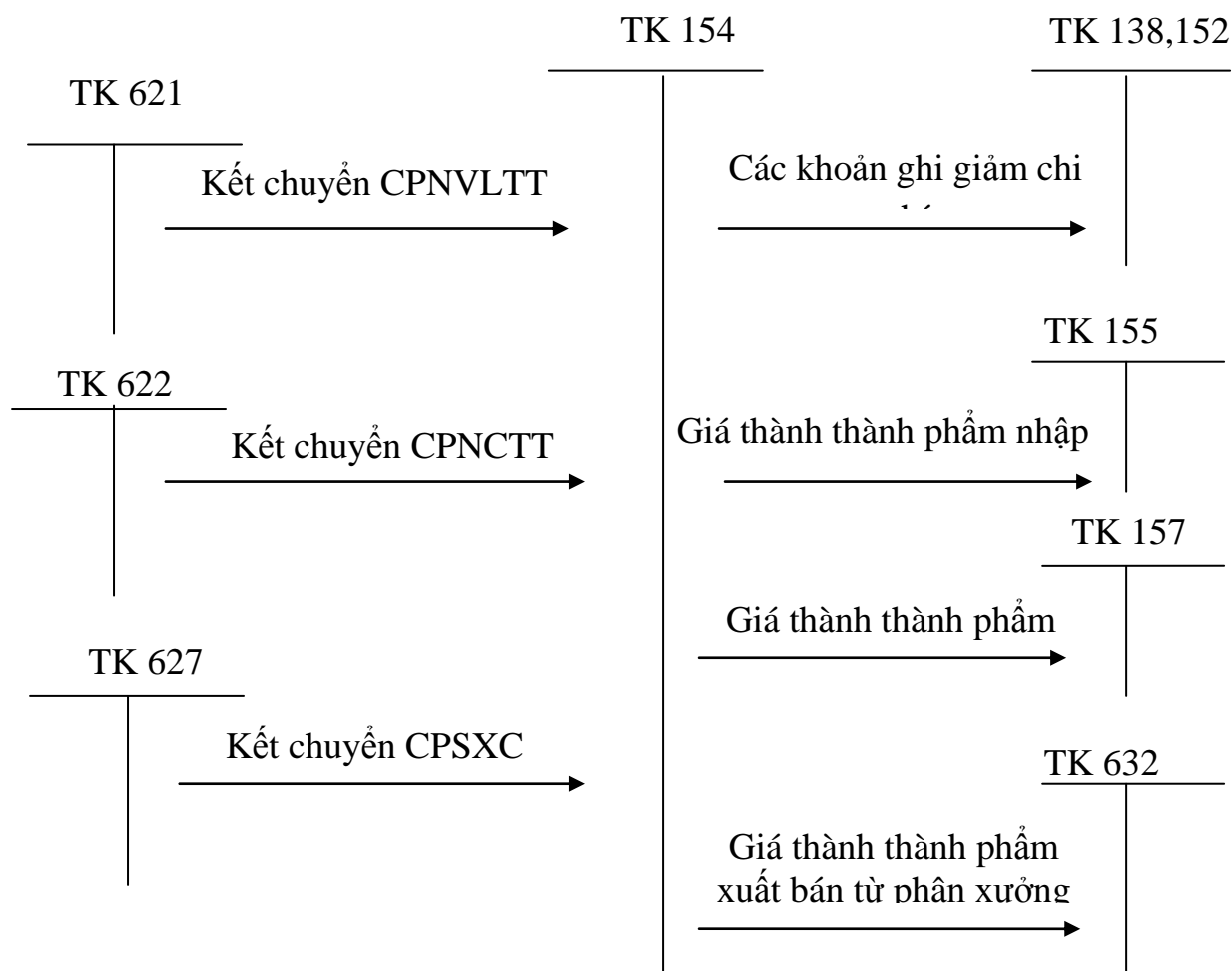
TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278: Chi phí bằng tiền khác.

Sơ đồ 1.3 : Kế toán chi phí sản xuất chung



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.9.2. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức :

$$\begin{matrix} \text{Trị giá vật tư} \\ \text{hàng hoá} \\ \text{xuất kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Trị giá tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Trị giá tồn} \\ \text{cuối kỳ} \end{matrix}$$

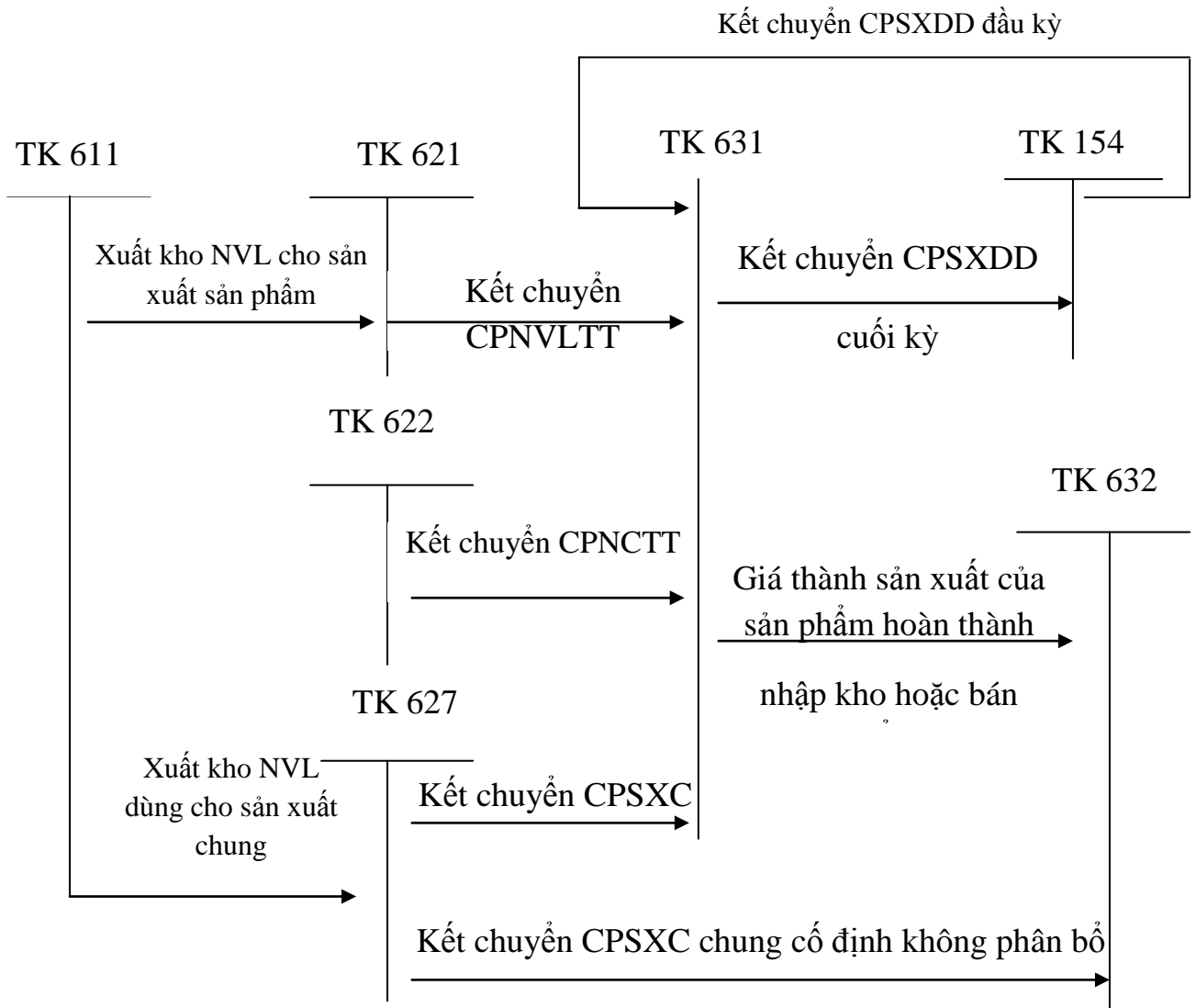
Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với qui cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên (cửa hàng bán lẻ...)

Phương pháp này giống với phương pháp kê khai thường xuyên ở chỗ TK dùng để tập hợp chi phí sản xuất vẫn là các TK 621, 622, 627 vì các tài khoản này

không liên quan đến hàng tồn kho. Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK 154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631 – giá thành sản xuất. TK 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí (tổ, đội sản xuất, phân xưởng) và theo loại, nhóm sản phẩm.

Trình tự hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ như sau:

Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.

Theo chế độ kế toán hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

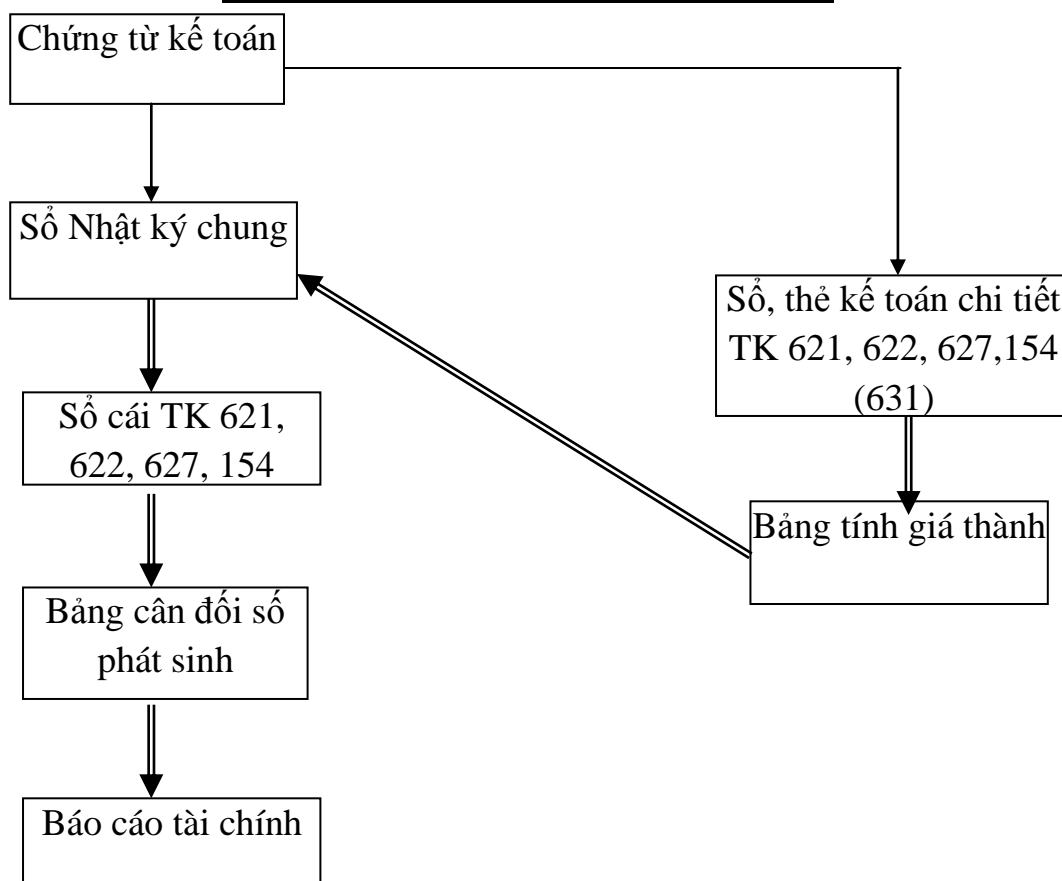
Doanh nghiệp phải căn cứ vào qui mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán mà lựa chọn hình thức kế toán phù hợp.

Hình thức kế toán thực chất là hình thức tổ chức sổ kế toán. Hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán chính là hình thức tổ chức các sổ kế toán để hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

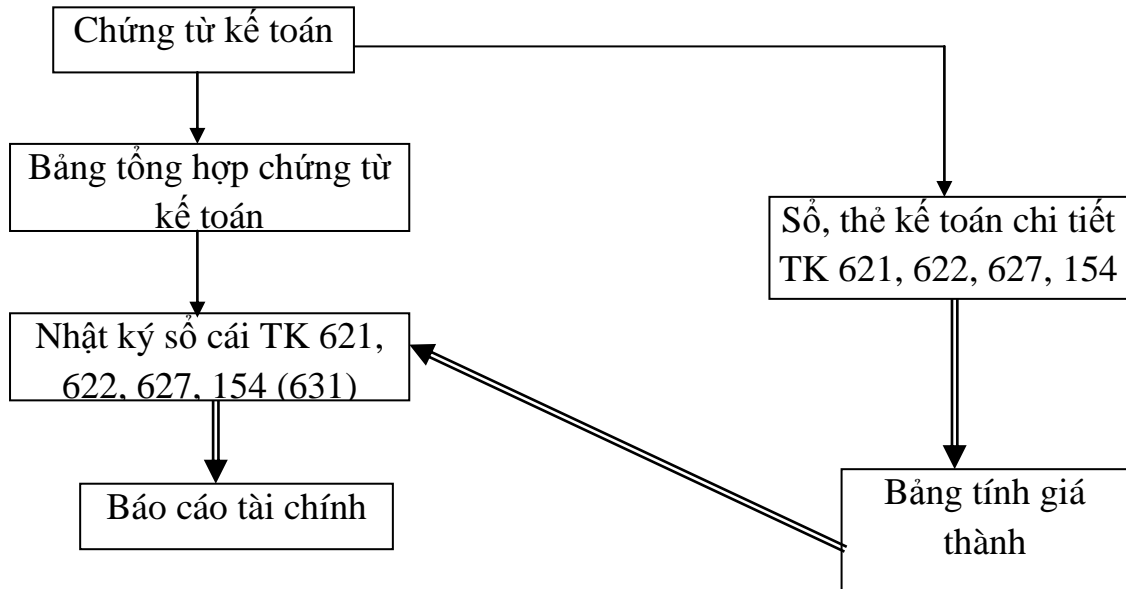
Ghi chú : Ghi hàng ngày →
Ghi định kỳ ==>
Đối chiếu, kiểm tra <----->

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm

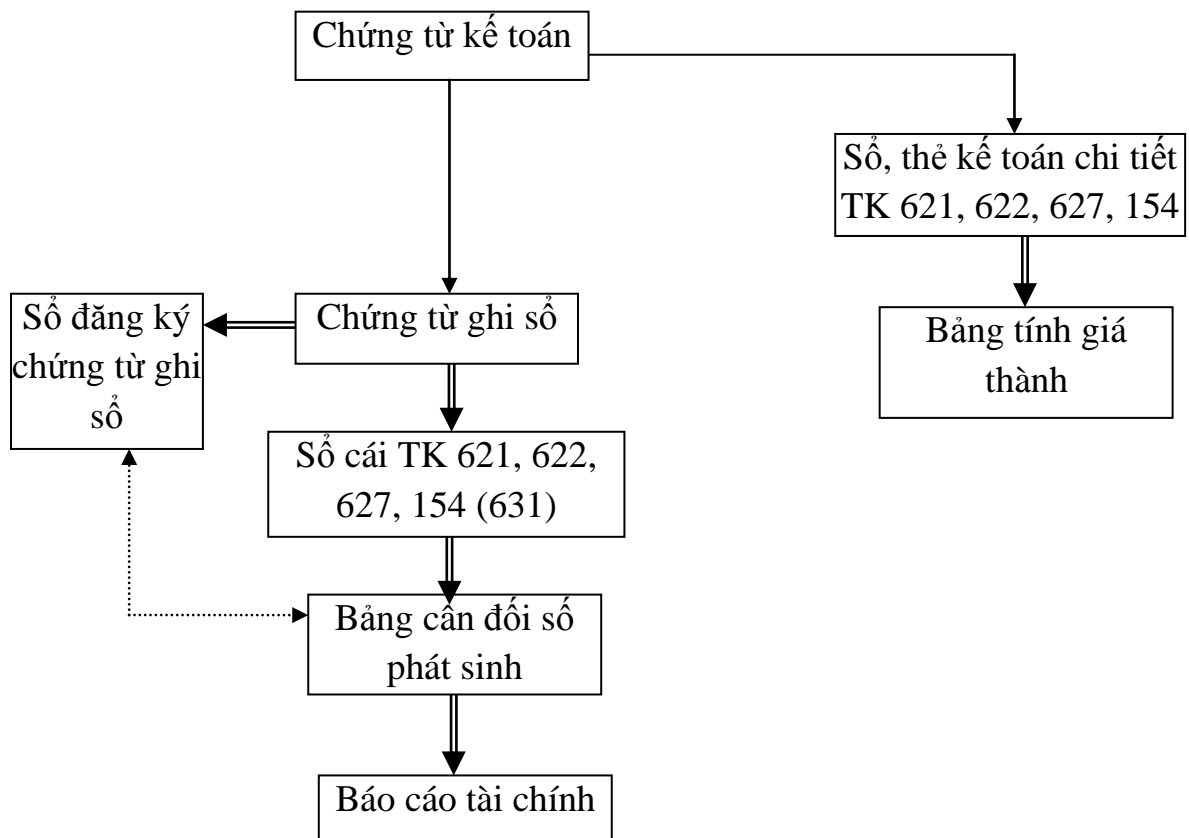
theo hình thức kế toán Nhật ký chung



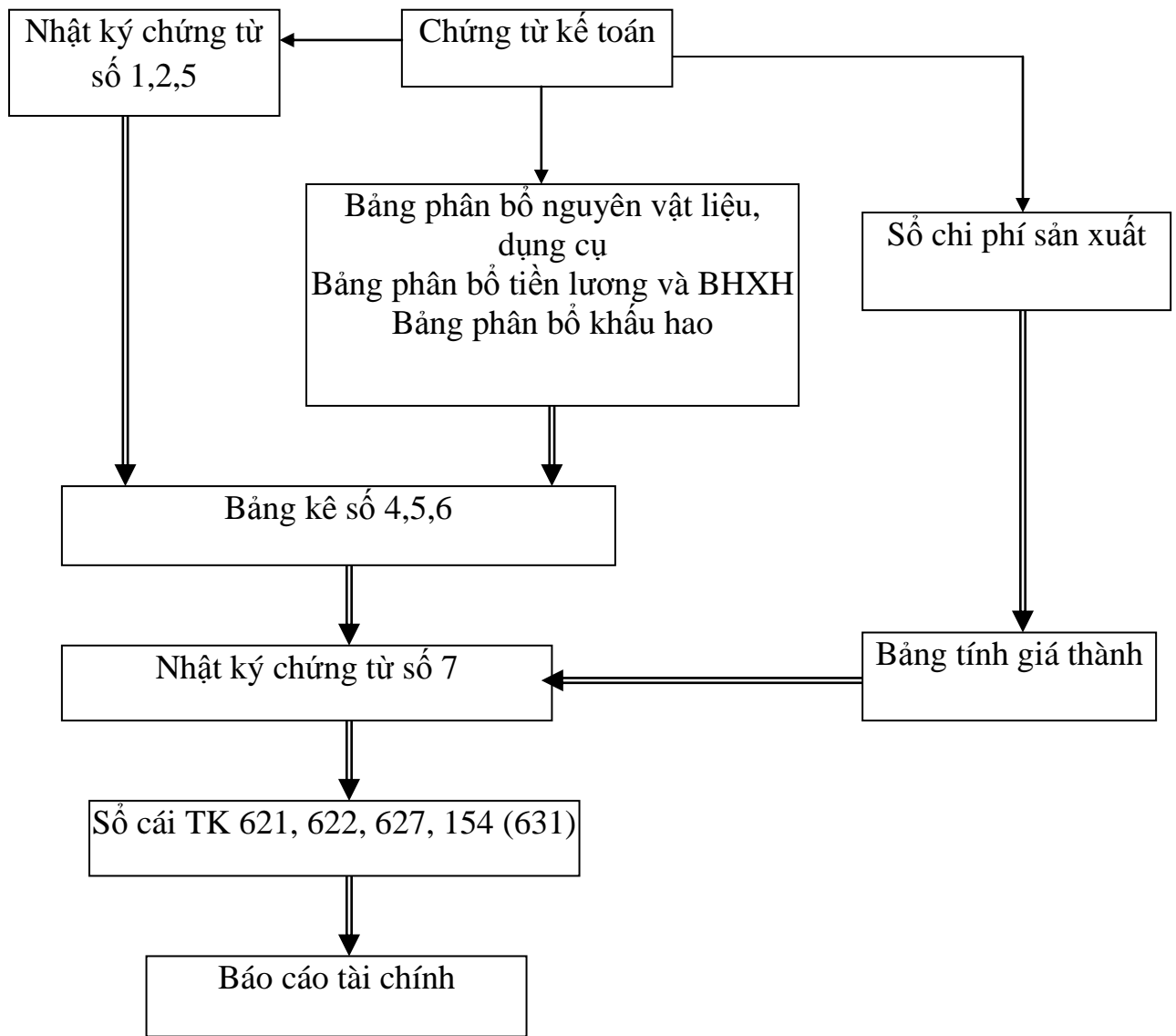
**Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm
theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**



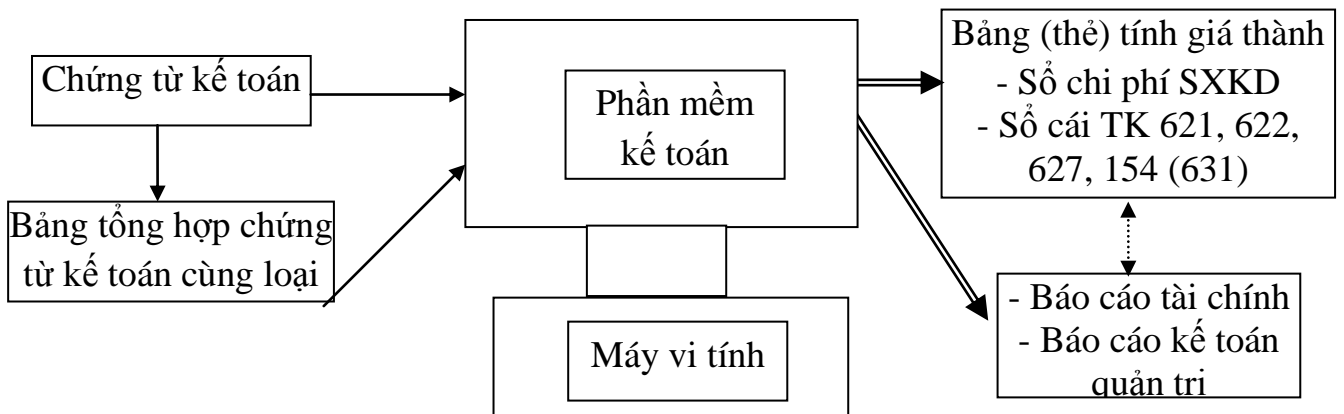
**Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm
theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty

Công ty TNHH Đức Anh được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202000026 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/3/2000, cấp lại lần 2 vào ngày 20/7/2005.

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH

Điện thoại: (84) 031.3742789

Fax: (84) 031.3742799

Web-site: www.ducanh.com.vn

Địa chỉ trụ sở chính: Số 62A Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Địa chỉ nhà máy 1: 759 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Địa chỉ nhà máy 2: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200386865

Vốn điều lệ: 7.000.000.000

Công ty TNHH Đức Anh được chuyển đổi từ mô hình từ tháng 4 năm 2000, tiền thân là hợp tác xã Đức Thắng.

Qua 10 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã và đang phát triển mạnh cả về cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ sản xuất, quản lý, có đội ngũ công nhân viên có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn cao, tay nghề cao. Từ khi thành lập đến nay các sản phẩm của Công ty đã nhiều lần được đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cao và đã được chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001-2000.

Công ty TNHH Đức Anh hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích xã hội, lợi ích của người lao động rất được chú trọng .

Hàng năm, công ty đã góp vào Ngân sách Nhà nước hàng tỷ đồng, bên cạnh đó còn góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người trong độ tuổi lao động và nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên.

Hiện nay, Công ty đang cung cấp cho các khách hàng truyền thống như những ngành chế biến thực phẩm, thủy sản có sức tiêu thụ rất lớn như Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Châu, Công ty TNHH thực phẩm và nước giải khát DUTCHLADY, Công ty cổ phần sữa Quốc tế, nhà máy đồ hộp Hạ Long, Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Hà Nội, Công ty chế biến thủy sản xuất khẩu Hải Phòng... các doanh nghiệp trong khu chế xuất như Công ty ASTY, công ty FUJIMOLDVN... Những ngành này việc bảo quản bao gói và thời gian lưu giữ hàng hoá bên trong.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty Đức Anh là các sản phẩm bao bì nhựa như:

- Màn co
- Màn cao phân tử
- Bao bì nhựa cao cấp dùng đóng gói các sản phẩm công nghiệp như nhựa HD, nhựa PP, nhựa PE...
- Túi đựng hàng hóa

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty trong 3 năm gần đây

STT	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng doanh thu	59.789.036.772	68.554.817.389	90.547.135.425
2	Doanh thu thuần	59.789.036.772	68.554.817.389	90.547.135.425
3	Giá vốn hàng bán	57.032.105.043	64.641.163.825	84.303.778.586
4	Lợi nhuận gộp	2.756.931.730	3.862.005.889	6.243.356.839
5	Lợi nhuận trước thuế	235.617.086	321.428.355	440.519.593
6	Thu nhập bình quân 1LĐ/ 1 tháng	1.394.596	1.598.231	1.735.462
7	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	86.472.784	117.889.939	139.672.898
8	Vốn kinh doanh bình quân	25.689.017.864	29.045.367.466	33.042.169.850

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty

*** Đặc điểm sản phẩm**

Sản phẩm của Công ty hiện đang sản xuất là các loại màn co, màn cao phân tử, bao bì nhựa cao cấp các loại có in và không in màu được ghép nhiều lớp dùng đóng gói sản phẩm công nghiệp, sản phẩm tiêu dùng nội địa và xuất khẩu túi

đựng hàng hóa dùng trong mua bán, trao đổi như : túi dùng trong siêu thị dạng đột quai, đột lỗ có tay xách, túi đựng dạng túi thường...

* Đặc điểm tổ chức sản xuất

Kế hoạch sản xuất của Công ty được thiết lập dựa trên các yếu tố:

+ Nhu cầu thị trường

+ Định hướng phát triển Công ty

+ Định mức tồn kho dự kiến

+ Dự báo tình hình tiêu thụ từng giai đoạn trong năm.

Các kế hoạch sản xuất sau khi xây dựng xong được phân phối đến các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện và theo dõi.

Các tài liệu phục vụ sản xuất bao gồm các quy định công nghệ, kiểm tra, các quy định chỉ tiêu và mức chất lượng sản phẩm, các quy định vận hành và bảo trì thiết bị sản xuất, các quy định kiểm định và sử dụng các thiết bị theo dõi đo lường, các quy định về nhập xuất kho và giao hàng. Tại từng bộ phận đều được phân phối các tài liệu liên quan để thực hiện. Trưởng các đơn vị phụ trách trực tiếp kiểm soát việc thực hiện của cán bộ công nhân viên thông qua giám sát, đôn đốc và kiểm tra thường xuyên. Tất cả các thiết bị sản xuất đều được định kỳ bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời để phục vụ sản xuất.

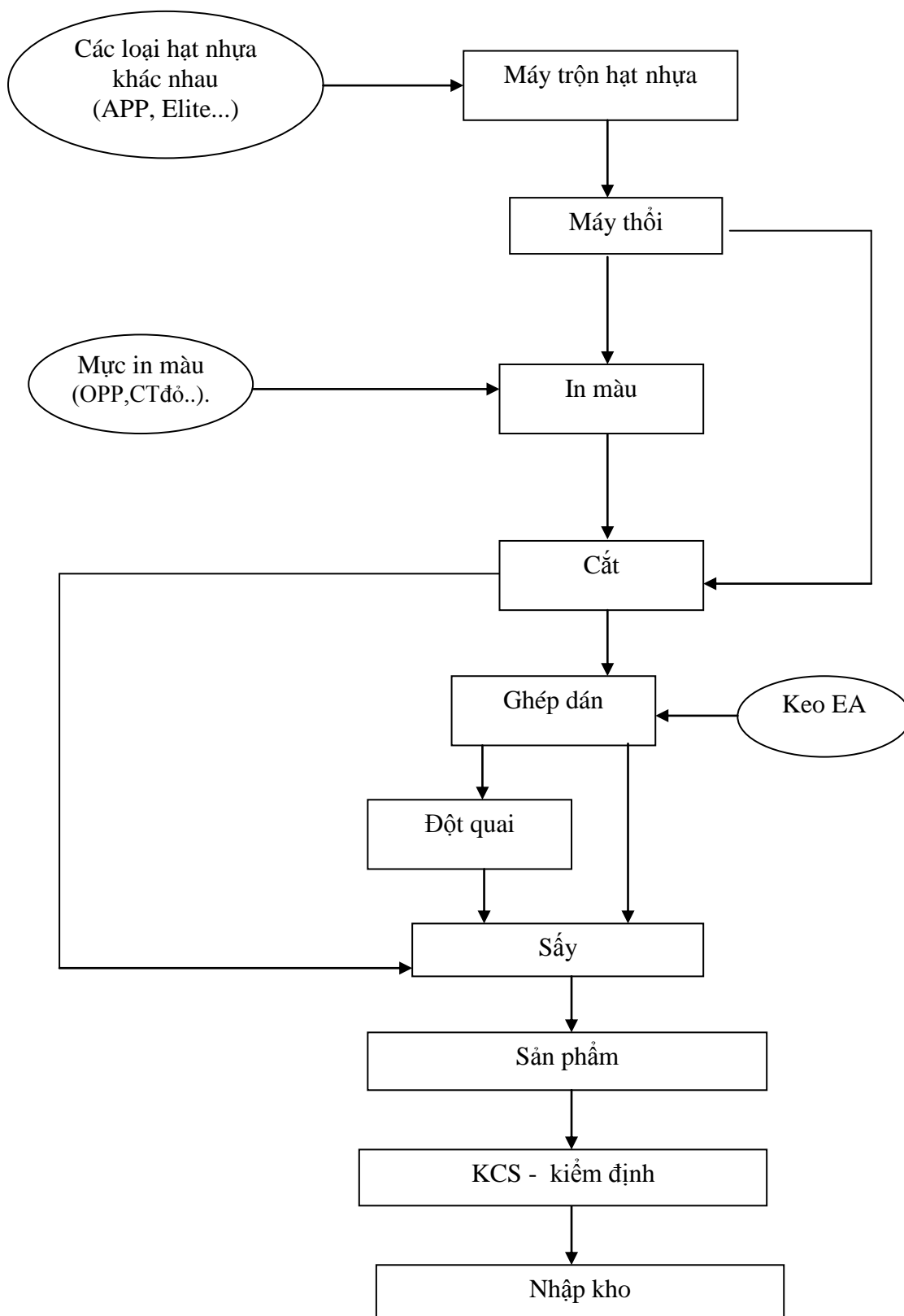
Toàn bộ các hồ sơ liên quan đến quá trình tổ chức sản xuất đều được quy định rõ trách nhiệm, phương pháp, thời gian lưu trữ làm bằng chứng cho việc thi hành, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

Công ty tổ chức sản xuất với 7 bộ phận bao gồm : thối, cắt dán, in màu, băng keo, cắt cơ, chia cuộn, đột quai.

* Quy trình công nghệ

Công ty TNHH Đức Anh hiện đang sử dụng công nghệ hiện đại và khép kín nên sản phẩm sản xuất ra đều có chất lượng cao và có ít phế liệu. Tuy nhiên, những phế liệu thu hồi được đều có thể bán để tăng thêm doanh thu cho Công ty.

Sơ đồ 2.1. Quy trình công nghệ sản xuất bao bì tại Công ty TNHH Đức Anh.



Để sản xuất ra một sản phẩm thì từ các loại hạt nhựa khác nhau sẽ được trộn đều lên sau đó sẽ qua máy thổi để thành những miếng nilon có kích cỡ khác

nhau. Sau đó tùy theo loại sản phẩm cần sản xuất mà các miếng nilon này sẽ được in các loại màu khác nhau hoặc không in màu. Tiếp đó, những miếng nilon này sẽ được cắt thành các kích thước khác nhau và được ghép rồi dán lại. Một số sản phẩm là các túi xách thì sẽ được chuyển sang bộ phận đột quai rồi đưa sang phòng sấy khô. Một số sản phẩm khác không cần quai thì sau khi đã được dán xong sẽ được chuyển thẳng sang phòng sấy. Với những sản phẩm là màng nilon thì sau khi cắt xong sẽ được chuyển sang máy chia cuộn để tạo thành những cuộn nilon và sau đó chuyển sang phòng sấy. Kết thúc quá trình sấy thì đó là sản phẩm hoàn chỉnh theo đơn đặt hàng.

2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình hoạt động

*** Thuận lợi**

Trong thời gian hoạt động Công ty luôn nhận được sự giúp đỡ của UBND, các Sở - Ban ngành thành phố Hải Phòng.

Trải qua hơn mười năm gắn bó với ngành Công ty là đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong việc sản xuất các loại bao bì đóng gói sản phẩm. Hơn nữa, Công ty còn có đội ngũ công nhân viên năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc và biết nắm bắt thời cơ, nhu cầu thị trường, không ngừng cải tiến, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập đòi hỏi Công ty phải tận dụng khai thác mọi thế mạnh để hướng đến xuất khẩu.

*** Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn. Cụ thể:

Sự cạnh tranh gay gắt vì đến nay có rất nhiều nhà máy sản xuất bao bì ra đời làm ảnh hưởng không nhỏ đến thị phần của Công ty.

Mặt khác, khó khăn như do khủng hoảng kinh tế, chính sách tiền tệ thắt chặt của Chính phủ ảnh hưởng nhiều đến vấn đề sản xuất kinh doanh của Công ty.

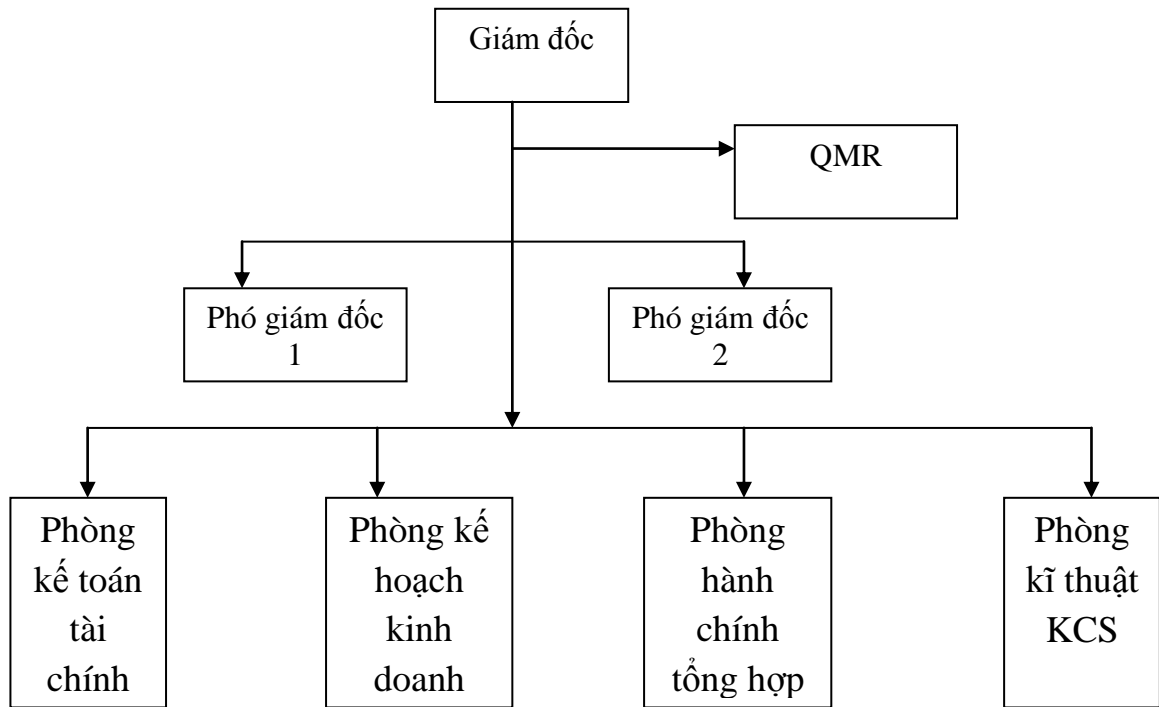
Khi Việt Nam gia nhập WTO việc mở cửa thị trường hàng hoá là tất yếu đây là thách thức lớn đối với doanh nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.

Trong cơ chế thị trường hiện nay cũng như nhiều công ty khác, Công ty TNHH Đức Anh được quyền chủ động quyết định bộ máy quản lý trong nội bộ để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp để hoạt động có hiệu quả. Với bộ máy tổ chức kiểu trực tuyến chức năng, toàn bộ hoạt động của công ty đều chịu

sự quản lý thống nhất của Giám đốc cùng với sự hỗ trợ của Phó giám đốc và các phòng ban trực thuộc quản lý. Điều đó được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.2 : Bộ máy quản lý Công ty TNHH Đức Anh



Trong đó : QMR: Đại diện lãnh đạo về chất lượng

Nhiệm vụ của từng bộ phận như sau :

- Giám đốc : là người quản lý chung và điều hành công việc của cả Công ty để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của cả Công ty. Đó là việc tổ chức điều hành chung công việc của công ty, theo dõi tình hình hoạt động chung của công ty, nắm bắt thị trường để có định hướng lâu dài cho công ty. Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn thể lao động, về kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty.

- Phó giám đốc

Phó giám đốc 1: Là người quản lý chung giúp đỡ giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của nhà máy sản xuất bao bì nhựa.

Phó giám đốc 2: Là người quản lý chung, hỗ trợ giám đốc điều hành hoạt động sản xuất của nhà máy in màng phức hợp.

- Phòng hành chính tổng hợp

Chịu trách nhiệm trước công việc quản lý nhân sự, quản lý và bố trí nguồn lực, tổ chức và xây dựng các chương trình đào tạo phát triển.

- Phòng tổ chức kế toán

Giúp Giám đốc quản lý vốn, tài chính, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, xây dựng kế hoạch tài chính.

- Phòng kế hoạch- kinh doanh

Thực hiện công tác thị trường, công tác kế hoạch.

- Phòng kỹ thuật KCS

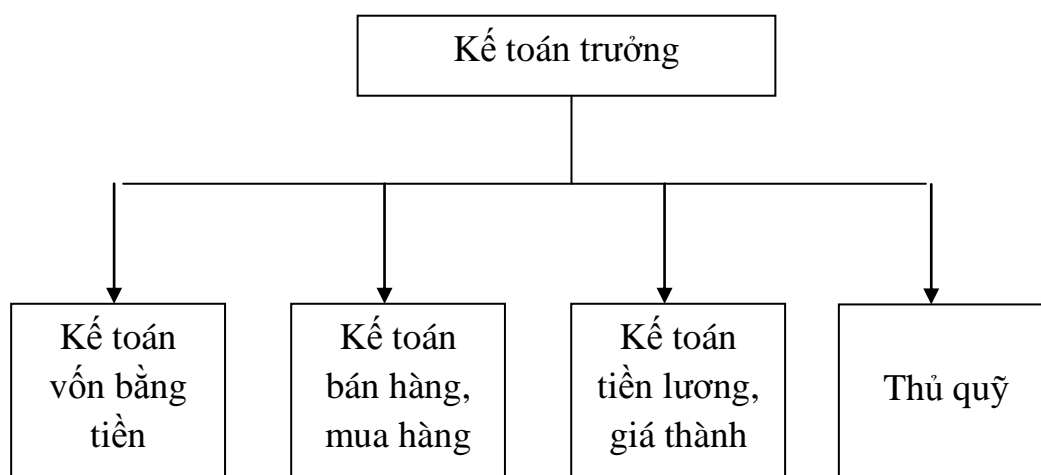
Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về công tác quản lý kỹ thuật, công việc kiểm tra đảm bảo chất lượng.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đức Anh.

* Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung bao gồm 6 người, mỗi người có một chức năng, nhiệm vụ khác nhau theo sơ đồ sau :

Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Đức Anh



Kế toán trưởng :

Quản lý chung về điều hành công việc của bộ phận kế toán, kiểm soát tình hình hoạt động tài chính của Công ty, tham mưu với giám đốc công ty.

Kế toán vốn bằng tiền :

Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kiểm soát các chứng từ liên quan đến tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Kế toán bán hàng, mua hàng :

Theo dõi tình hình bán hàng, mua hàng và xác nhận công nợ với khách hàng, nhà cung cấp.

Kế toán tiền lương, giá thành :

Tập hợp chi phí sản xuất, phân tích chi phí tính giá thành sản phẩm. Tính lương và các khoản trích theo lương.

Thủ quỹ :

Quản lý kết tiền mặt tại Công ty.

* Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty TNHH Đức Anh áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/ QĐ - BTC ban hành ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng bộ tài chính gồm có 4 phần:

Phần thứ nhất: Hệ thống tài khoản

Phần thứ hai: Hệ thống báo cáo tài chính

Phần thứ ba: Chế độ chứng từ kế toán

Phần thứ tư: Chế độ sổ kế toán

Niên độ kế toán: Từ ngày 1/1 đến ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng

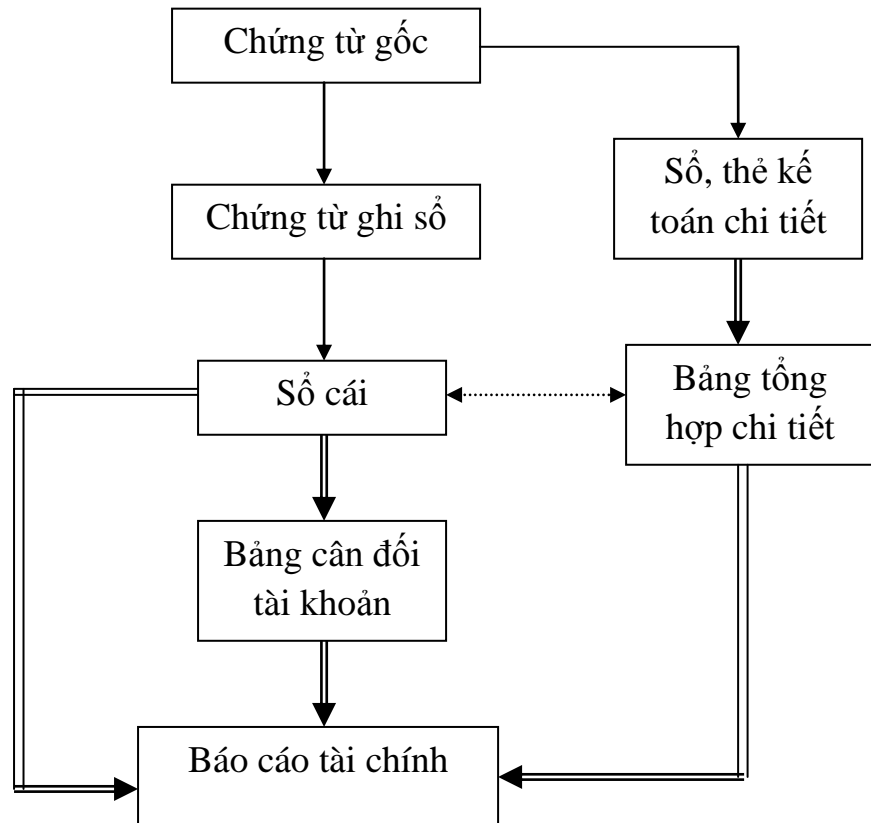
Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

Việc luân chuyển và lưu trữ chứng từ của Công ty tuân thủ theo điều 40 chương 2 luật kế toán số 3/2003/QH 11 ngày 17/6/2003 và các quy định của chế độ kế toán tài chính hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế đều được lập chứng từ sau khi đủ các yếu tố cơ bản và được kiểm tra vào sổ sách kế toán theo khoản 2 điều 22 luật Kế toán. Hết kỳ kế toán chuyển cho kế toán trưởng các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị do kế toán trưởng lưu trữ.

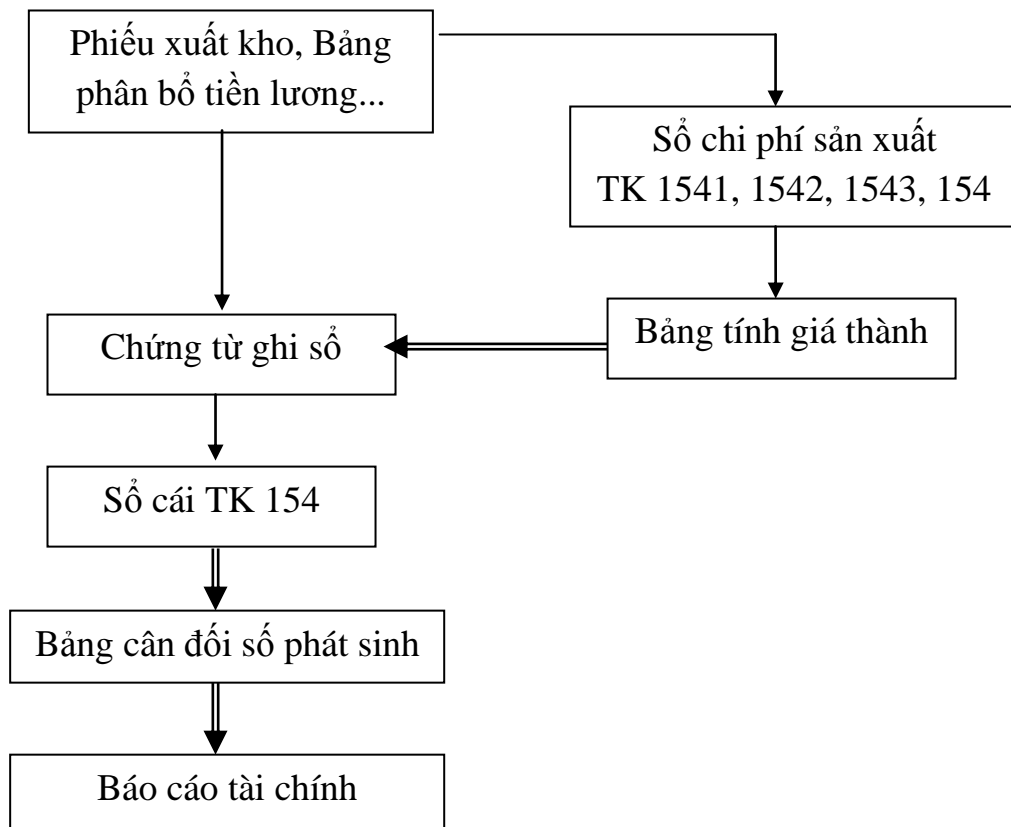
* Hình thức kế toán áp dụng:

Để phù hợp với tình hình sản xuất thực tế tại Công ty, Công ty áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Tuy nhiên, Công ty không có Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 2.4 : Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ của Công ty



Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.



Hàng ngày cán bộ kế toán kiểm tra và thu thập chứng từ, phân loại chứng từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và ghi sổ.

Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra : \longleftrightarrow

2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty

Trong quá trình kinh doanh, Công ty phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau như : chi phí nguyên vật liệu, tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị. Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm, công dụng của chi phí trong sản xuất sản phẩm của Công ty, căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm và phương pháp tính giá thành, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng bao gồm :

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

CPNVLTT là những chi phí nguyên vật liệu có liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu chi phí, nó tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm, tạo ra đặc trưng vật lý cho sản phẩm.

Tại Công ty TNHH Đức Anh nguyên vật liệu trực tiếp gồm : hạt nhựa, mực in, màng mờ, etylen ... sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*

CPNCTT là số tiền phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Tại Công ty TNHH Đức Anh chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương.

- *Chi phí sản xuất chung*

CPSXC là tất cả các chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng chưa được xếp vào hai loại chi phí kể trên. Tại Công ty TNHH Đức Anh CPSXC bao gồm : chi phí NVL, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí nhân viên quản lý phân xưởng.

Việc phân loại chi phí theo khoản mục của Công ty rất thuận lợi cho công tác tính giá thành theo khoản mục chi phí và việc quản lý chi phí. Nhà quản lý sẽ căn cứ vào từng khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ để xem tỷ trọng của từng

khoản mục chi phí chiếm bao nhiêu % trong tổng chi phí và định mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong mỗi loại sản phẩm là tăng hay giảm so với thực tế. Từ đó, xác định được phương hướng hợp lý và có các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty

2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm mới giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như công tác quản lý đạt hiệu quả cao.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất của Công ty được xác định là từng đơn hàng.

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là đối tượng hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí vật chất cần bù đắp cũng như tính toán được kết quả sản xuất kinh doanh.

Đối với Công ty TNHH Đức Anh thì đối tượng tính giá thành chính là sản phẩm của từng đơn đặt hàng.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành

Do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất - tính đặc thù của sản phẩm nên kỳ tính giá tại Công ty TNHH Đức Anh kể từ khi bắt đầu nhận đơn đặt hàng cho đến khi hoàn thành đơn đặt hàng.

Kế toán sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng.

2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

2.2.4.1.1. Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

* TK sử dụng : Công ty sử dụng TK 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

* Kết cấu TK 154:

Bên nợ: Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm

Bên có: + Trị giá vốn nguyên liệu vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.
+ Kết chuyển tính giá thành sản phẩm

* Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng: Phiếu xuất kho, Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 152, 1541, Sổ chi tiết vật liệu, Bảng tổng hợp vật liệu.

2.2.4.1.2. Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu được quản lý ở các kho, việc nhập xuất vật tư được cán bộ quản lý kho theo dõi chặt chẽ thông qua định mức tiêu hao. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất và đơn đặt hàng của khách hàng thì bộ phận kế hoạch sẽ tính toán số lượng, loại nguyên vật liệu sẽ sử dụng để sản xuất. Sau đó phòng kế hoạch sẽ làm một bản đề nghị xuất vật tư trong đó ghi rõ các loại vật tư cần dùng, số lượng, chủng loại gửi cho kế toán. Kế toán căn cứ vào bản đề nghị lập phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

+ 1 liên lưu gốc

+ 1 liên thủ kho giữ để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán

Ví dụ : Trong tháng 1 năm 2009 Công ty TNHH Đức Anh nhận được một đơn đặt hàng gồm 50.000 cái túi xộp Tràng An của Công ty cổ phần Tràng An.

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số : 25

Ngày 10 Tháng 01 Năm 2009

STT	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Sản phẩm		Ngày giao
				Dài	Rộng	
1	Túi xộp Tràng An	Cái	50.000	35cm	20cm	05/02/2009

Sau khi nhận được đơn đặt hàng, bộ phận kỹ thuật của Công ty xem xét về chi phí nguyên vật liệu rồi chuyển bộ phận sản xuất. Sau khi tính toán rõ ràng thì bộ phận sản xuất cho công nhân bắt đầu sản xuất theo đơn hàng. Kế toán căn cứ vào số lượng trên phiếu yêu cầu viết phiếu xuất kho và giao cho thủ kho xuất kho nguyên vật liệu. Trên phiếu xuất kho ghi rõ tên, quy cách vật tư, lý do xuất kho... Thủ kho chỉ hạch toán về mặt lượng trên thẻ kho và ghi số lượng thực xuất vào cột

thực xuất rồi ký vào phiếu xuất kho. Cuối tháng kế toán mới tính giá xuất kho cho từng nguyên vật liệu và hạch toán về mặt giá trị trên phiếu xuất kho và các sổ sách có liên quan. (Công ty tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền tháng).

Ngày 11/01/2009 căn cứ vào giấy đề nghị của bộ phận sản xuất và sự nhất trí của phòng kỹ thuật, kế toán viết phiếu xuất kho:

Biểu số 2.1.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số : 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 25

Ngày 11 tháng 01 năm 2009

Họ, tên người nhận hàng : Anh Phong

Địa chỉ (bộ phận) : Bộ phận thối

Lý do xuất kho : Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đơn hàng số 25.....

Xuất tại kho : Kho 1 Địa điểm : Công ty TNHH Đức Anh.....

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhựa ELITE 540G		Kg	12	12		
2	Mực in OPP medium		Lọ	5	5		
3	Keo EA		Lọ	3	3		
4	Mực Pét		Lọ	5	5		
5	Êtylen		Kg	2	2		
6	PE đục		Kg	3	3		
Cộng							

Ngày...tháng...năm200....

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Khi theo dõi giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kế toán tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ :

$$\text{Đơn giá bình quân của nguyên vật liệu i xuất dùng} = \frac{\text{Trị giá NVL i tồn kho đầu tháng} + \text{Tổng trị giá NVL i nhập kho trong tháng}}{\text{Số lượng NVL i tồn kho đầu tháng} + \text{Số lượng NVL i nhập kho trong tháng}}$$

Ví dụ : Ngày 31/01/2009, kế toán tính đơn giá xuất kho trong tháng 1 của mực in OPP medium.

- Số lượng tồn kho đầu tháng là 50 lọ với trị giá là 36.266.800 đồng
- Tổng lượng nhập trong tháng là 26 lọ với trị giá là 19.026.392 đồng

$$\text{Đơn giá bình quân của mực in OPP medium} = \frac{36.266.800 + 19.026.392}{50 + 26} = 727.542$$

- Tổng số lượng mực in OPP medium xuất kho trong tháng : 41 lọ
- Tổng trị giá xuất kho trong tháng : 41 x 727.542 = 29.829.222
- Tổng số lượng tồn kho cuối tháng : 35 lọ
- Tổng trị giá tồn kho cuối tháng : 36.266.800 + 19.026.392 - 29.829.222 = 25.463.970

Sau khi tính được đơn giá nguyên vật liệu xuất kho, kế toán điền vào Phiếu xuất kho và tính trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.

Biểu số 2.2.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 25

Ngày 11 tháng 01 năm 2009

Họ, tên người nhận hàng : Anh Phong.....

Địa chỉ (bộ phận): Bộ phận thối

Lý do xuất kho: Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất đơn hàng số 25.....

Xuất tại kho: Kho 1 Địa điểm : Công ty TNHH Đức Anh.....

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Nhựa ELITE 540G		Kg	12	12	1.399.864	16.798.368
2	Mực in OPP medium		Lọ	5	5	727.542	3.637.710
3	Keo EA		Lọ	3	3	250.000	750.000
4	Mực Pét		Lọ	5	5	810.055	4.050.275
5	Êtylen		Kg	2	2	3.302.076	6.604.152
6	PE đục		Kg	3	3	353.769	1.061.307
Cộng							32.901.812

Số tiền bằng chữ: Ba mươi hai triệu chín trăm linh một nghìn tám trăm mười hai đồng chẵn

Ngày...tháng...năm200....

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán lập các chứng từ ghi sổ. Đồng thời vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Biểu số 2.3.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản: 152

Tên quy cách vật liệu: Mực in OPP medium

Tên kho: Kho vật liệu

Đơn vị tính: lọ

Tháng 1 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6
		- Số dư đầu kỳ		725.336					50	36.266.800
PN 05	02/01	Cty CP Công nghệ UD Chiến Thắng	1111	728.585	4	2.914.340				
...								
PX 25	11/01	Bộ phận in 12 màu	154	727.542			5	3.637.710		
PX 29	13/01	Bộ phận in 7 màu	154	727.542			3	2.182.626		
PN 30	14/01	Cty CP Công nghệ UD Chiến Thắng	331	728.585	10	7.285.850				
...								
		Cộng			26	19.026.392	41	29.829.222		
		- Số dư cuối kỳ		727.542					35	25.463.970

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S08 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản: 152

Tháng 1 năm 2009

STT	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
....				
15	Nhựa Elite 540G	227.692.540	154.261.375	160.984.360	265.969.555
16	Nhựa APP 600F	512.365.748	122.374.050	305.623.746	329.116.052
....				
24	Mực in OPP medium	36.266.800	19.026.392	29.829.222	25.463.970
25	Mực CTVANG 106	114.024.354	56.321.045	52.603.587	117.741.812
26	Mực CTDO 106	74.058.449	11.088.123	45.319.020	39.827.552
27	Mực Pét	65.334.072	58.241.391	76.955.225	46.620.238
....				
Cộng		5.166.845.904	989.659.970	1.598.428.150	4.558.077.724

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 25, kế toán vào sổ chi phí sản xuất và Chứng từ ghi sổ.

Biểu số 2.5.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 1541

Tên sản phẩm: Túi xốp Tràng An – Đơn hàng số 25

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra					
SH	NT			Nợ	Có	Nhựa Elite	Mực in	Keo EA	PE đục	Mực pét	Etylen
		Số dư đầu kỳ									
PX 25	11/1	Xuất kho vật tư cho sản xuất đơn hàng số 25	152	32.901.812		16.798.368	3.637.710	750.000	4.050.275	1.061.307	6.604.152
PN 40	31/1	Nhập kho túi xốp Tràng An	155		32.901.812						
		Cộng phát sinh		32.901.812	32.901.812						
		Số dư cuối kỳ									

Biểu số 2.6.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 65

Ngày 31 Tháng 01 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Xuất kho vật tư để sản xuất theo đơn hàng số 25	1541	152	32.901.812
Tổng cộng			32.901.812

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ cái TK 154

Biểu số 2.7.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tháng 1 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.325.014.372	
...			
31/01	65	31/01	Xuất kho vật tư để sản xuất theo đơn hàng số 25	152	32.901.812	
31/01	66	31/01	Xuất kho vật tư để sản xuất theo đơn hàng số 26	152	44.204.350	
...			
			Cộng phát sinh		1.926.570.092	791.890.434
			Số dư cuối kỳ		2.459.694.030	

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

2.2.4.2.1. Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

* TK sử dụng: Công ty sử dụng TK 1542: Chi phí nhân công trực tiếp để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

Kết cấu TK 1542

Bên nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm bao gồm tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương.

Bên có: Kết chuyển CPNCTT để tính giá thành sản phẩm nhập kho.

* Hệ thống chứng từ, sổ sách sử dụng : Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 154, TK 334, TK 338

2.2.4.2.2. Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp.

* Về lương:

Công ty TNHH Đức Anh có 130 lao động. Công nhân trực tiếp sản xuất làm việc 3 ca/ ngày mỗi ca làm 8 tiếng. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Đối với nhân viên quản lý lương phải trả còn bao gồm lương trách nhiệm.

* Về các khoản trích theo lương Công ty thực hiện theo quy định hiện hành

- BHXH được tính bằng 20% tổng lương cơ bản, trong đó 15% tính vào chi phí và 5% trừ vào thu nhập của công nhân viên

- BHYT được tính bằng 3% tổng lương cơ bản trong đó tính vào chi phí và 1% trừ vào thu nhập của công nhân viên.

- BHTN được tính bằng 2% tổng lương cơ bản, trong đó 1% tính vào chi phí và 1% trừ vào thu nhập công nhân viên.

- KPCĐ được tính bằng 2% lương thực tế của công nhân viên trong đó Công ty tính vào chi phí cả 2%.

Dựa vào khối lượng công việc được giao, tổ trưởng các tổ đơn đốc công nhân trong tổ thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình của từng công nhân. Công ty sử dụng Bảng chấm công để kiểm tra số ngày làm việc của công nhân. Cuối tháng, kế toán dựa vào Bảng chấm công để tính lương cho lao động toàn Công ty.

Công ty TNHH Đức Anh tính lương cho công nhân sản xuất trực tiếp dựa vào số ngày làm việc trong tháng. Tuy nhiên, đơn giá cho 1 ngày công ở các tổ sản xuất là khác nhau. Công thức tính lương như sau:

$$\text{Lương phải trả} = \text{Số công} \times \text{Đơn giá}$$

Ví dụ : Tháng 1 năm 2009, ở bộ phận cắt dán, Công ty quy định đơn giá 1 ngày công là 55.000 đồng. Dựa vào bảng chấm công của bộ phận cắt dán, số công của công nhân Nguyễn Thị Linh là 31 ngày công. Vậy lương của công nhân Nguyễn Thị Linh là: $31 \times 55.000 = 1.705.000$ đồng.

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí của công nhân Nguyễn Thị Linh bao gồm:

- BHXH được tính theo 15% lương tức là: $1.705.000 \times 15\% = 255.750$ đồng
- BHYT được tính theo 2% lương tức là: $1.705.000 \times 2\% = 34.100$ đồng
- BHTN được tính theo 1% lương tức là: $1.705.000 \times 1\% = 17.050$ đồng
- KPCĐ được tính theo 2% lương tức là: $1.705.000 \times 2\% = 34.100$ đồng

Biểu số 2.8.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 1 Năm 2009

Bộ phận : Cắt dán

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng												Số công
		1	2	3	4	5	...	26	27	28	29	30	31	
1	Đào Văn Ái	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
2	Nguyễn Thị Linh	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
3	Trần Ngọc Thanh	x	x	x	x		...	x	x	x	x	x	x	26
4	Hoàng Đức Việt	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	30
5	Hoàng Văn Toàn	x	x	x		x	...	x	x	x	x	x	x	28
6	Tô Thị Diệu	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
7	Lê Văn Đại	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
8	Bùi Sỹ Dũng	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
9	Đoàn Thanh Tú	x	x	x	x	x	...	x	x	x	x	x	x	31
10	Đỗ Văn Chinh	x	x	x	x	x	...	x		x	x	x	x	29
11	Nguyễn Thị Mơ	x	x	x	x	x	...	x	x		x	x	x	24

Ngày... tháng... năm 200.....

Người chấm công
(Ký, họ tên)

Người duyệt
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 1 Năm 2009

STT	Họ và tên	Lương TG			Lương trách nhiệm	Tổng số	Tạm ứng kỳ I	Các khoản trừ vào lương				Kỳ II được lĩnh
		SC	ĐG	Số tiền				BHXH 5%	BHYT 1%	BHTN 1%	Cộng	
I	BP cắt dán	323	55.000	17.765.000		17.765.000	5.500.000	888.250	177.650	177.650	1.243.550	11.021.450
1	Đào Văn Ái	31	55.000	1.705.000		1.705.000	500.000	85.250	17.050	17.050	119.350	1.085.650
2	Nguyễn Thị Linh	31	55.000	1.705.000		1.705.000	500.000	85.250	17.050	17.050	119.350	1.085.650
3	Trần Ngọc Thanh	26	55.000	1.430.000		1.430.000	500.000	71.500	14.300	14.300	100.100	829.900
4	Hoàng Đức Việt	30	55.000	1.650.000		1.650.000	500.000	82.500	16.500	16.500	115.500	1.034.500
5	Hoàng Văn Toàn	28	55.000	1.540.000		1.540.000	500.000	77.000	15.400	15.400	107.800	932.200
....								
II	BP cắt cơ	270	50.000	13.500.000		13.500.000	4.500.000	675.000	135.000	135.000	945.000	8.055.000
....								
Cộng				152.635.000	27.540.000	180.175.000	42.000.000	7.631.750	1.526.350	1.526.350	10.684.450	127.490.550

Ngày... tháng... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BHXH

Tháng 1 năm 2009

STT	Đối tượng	TK 334			TK 338			Tổng cộng
		Lương TG	Lương TN	Cộng	BHXH BHYT BHTN (18%)	KPCĐ (2%)	Cộng	
1	TK1542	95.035.000		95.035.000	17.106.300	1.900.700	19.007.000	114.042.000
2	TK1543	12.600.000	5.040.000	17.640.000	2.268.000	352.800	2.620.800	20.260.800
3	TK 642	45.000.000	22.500.000	67.500.000	8.100.000	1.350.000	9.450.000	76.950.000
Cộng		152.635.000	27.540.000	180.175.000	27.474.300	3.603.500	31.077.800	211.252.800

Ngày... tháng... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương và bảng phân bổ tiền lương lập các chứng từ ghi sổ.

Biểu số 2.11.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 71

Ngày 31 Tháng 1 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Lương công nhân sản xuất tháng 1/2009	1542	334	95.035.000
Các khoản trích theo lương tháng 1/2009 của công nhân sản xuất tính vào chi phí	1542	338	19.007.000
Tổng cộng			114.042.000

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái TK 154

Biểu số 2.12.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tháng 1 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.325.014.372	
...			
31/01	71	31/01	Chi phí nhân công trực tiếp tháng 1/2009	334 338	95.035.000 19.007.000	
31/01	72	31/01	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên QLPX	334 338	17.640.000 2.620.800	
...			
			Cộng phát sinh		1.926.570.092	791.890.434
			Số dư cuối kỳ		2.459.694.030	

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong tháng 1/2009 là 114.042.000.
 Để tính chi phí nhân công cho 1 đơn hàng Công ty phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

$$\text{CPNCTT của đơn hàng} = \frac{\text{CPNVLTT của đơn hàng}}{\text{Tổng chi phí NVLTT}} \times \text{Tổng CPNCTT}$$

$$\text{CPNCTT của đơn hàng số 25} = \frac{32.901.812}{1.598.428.150} \times 114.042.000$$

$$= 2.347.423$$

Biểu số 2.13.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ NHÂN CÔNG

Tháng 1/2009

STT	Đơn hàng	Tiêu thức (CPNVLTT)	Chi phí nhân công trực tiếp
...		
23	Đơn hàng số 23	38.030.650	2.713.347
24	Đơn hàng số 24	41.374.689	2.951.932
25	Đơn hàng số 25	32.901.812	2.347.423
...		
	Cộng	1.598.428.150	114.042.000

Biểu số 2.14.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 1542

Tên sản phẩm: Túi xốp Tràng An – Đơn hàng số 25

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
SH	NT			Nợ	Có	Lương	BHXH	BHYT	BHTN
		Số dư đầu kỳ							
BLT1	31/1	Tính ra lương phải trả Các khoản trích theo lương	334 338	1.956.187 391.236		1.956.187 293.427		39.124	19.562 39.124
PN 40	31/1	Nhập kho túi xốp Tràng An	155		2.347.423				
		Cộng phát sinh		2.347.423	2.347.423				
		Số dư cuối kỳ							

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản phát sinh trong phạm vi phân xưởng ngoài CPNVLT và CPNCTT. Chi phí sản xuất chung là một phần của chi phí sản xuất và là một trong ba khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó hạch toán chi phí sản xuất chung là việc cần thiết để phục vụ công tác tính giá thành.

2.2.4.3.1. Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí sản xuất chung

* TK sử dụng: Công ty sử dụng TK 1543 – CPSXC để hạch toán chi phí sản xuất chung.

Kết cấu TK 1543

Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển chi phí sản xuất chung để tính giá thành sản phẩm nhập kho.

2.2.4.3.2. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của Công ty TNHH Đức Anh bao gồm các khoản sau:

*Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng

Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng. Lương của nhân viên quản lý phân xưởng được tính theo lương thời gian và lương trách nhiệm.

$$\text{Lương thời gian} = \text{Số công} \times \text{Đơn giá}$$

$$\text{Lương trách nhiệm} = \text{Lương thời gian} \times \text{hệ số trách nhiệm}$$

Đơn giá 1 ngày công của nhân viên quản lý là 60.000 đồng/ công, hệ số lương trách nhiệm của nhân viên quản lý phân xưởng là 40%.

Ví dụ : Tháng 1/2009, quản đốc Nguyễn Văn Thuận có số công theo bảng chấm công là 31 ngày công. Vậy lương phải trả cho quản đốc Nguyễn Văn Thuận là : $31 \times 60.000 + 31 \times 60.000 \times 40\% = 2.604.000$ đồng.

Theo bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Biểu số 2.9) ta thấy lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng trong tháng 1 là 16.884.000 đồng.

* Chi phí dụng cụ:

Đó là những dụng cụ sản xuất sử dụng chung cho hoạt động sản xuất của Công ty. Do hầu hết các công cụ dụng cụ sử dụng tại Công ty là công cụ lao động nhỏ, có giá trị và giá trị sử dụng nhỏ, một số phát sinh thường xuyên ở các tháng nên hạch toán công cụ dụng cụ cũng được hạch toán giống như nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán thực hiện phân bổ một lần. Toàn bộ công cụ dụng cụ xuất dùng tháng nào thì tính vào tháng đó và được hạch toán chung trên TK 153. Kế toán dựa vào Phiếu xuất kho để tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp.

Tương tự như với nguyên vật liệu, khi xuất công cụ, dụng cụ cho sản xuất kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Cuối tháng, kế toán sẽ tính đơn giá cho từng loại dụng cụ và tính ra trị giá xuất kho.

Biểu số 2.15.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 27

Ngày 13 tháng 01 năm 2009

Họ, tên người nhận hàng : Ông Thuận

Địa chỉ (bộ phận) : Quản lý phân xưởng.....

Lý do xuất kho : Xuất kho dụng cụ cho sản xuất.....

Xuất tại kho : Kho 2..... Địa điểm: Công ty TNHH Đức Anh.....

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Trực in		Cái	3	3	1.956.870	5.870.610
2	Khăn lau		Cái	100	100	4.000	400.000
3	Găng tay		Đôi	30	30	5.500	165.000
4	Khuôn thổi		Cái	2	2	567.000	1.134.000
5	Dao dẹt		Cái	15	15	15.000	225.000
6	Máy co màng		Cái	1	1	2.100.000	2.100.000
Cộng							9.894.610

Số tiền bằng chữ : Chín triệu tám trăm chín tư nghìn sáu trăm mười đồng

Ngày...tháng...năm200....

Người lập phiếu

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Từ phiếu xuất kho kế toán vào chứng từ ghi sổ :

Biểu số 2.16.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 74

Ngày 31 Tháng 01 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Xuất kho dụng cụ phục vụ sản xuất sản phẩm	1543	153	9.894.610
Tổng cộng			9.894.610

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Chi phí khấu hao TSCĐ**

TSCĐ của Công ty là những tư liệu lao động có giá trị trên 10 triệu đồng, thời gian sử dụng trên 1 năm. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào chi phí dưới hình thức khấu hao.

TSCĐ của Công ty TNHH Đức Anh chủ yếu là TSCĐ hữu hình, bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: nhà làm việc, bếp ăn, nhà máy...
- Phương tiện vận tải: Ôtô Kamaz, ô tô Lifan
- Máy móc thiết bị: máy cắt dán, máy in màu, trạm biến áp, máy chia cuộn, máy ghép màng...

Tài sản cố định được tính theo lượng giá trị của TSCĐ ở thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng. Giá này gọi là nguyên giá. Khi theo dõi tài sản cố định người ta còn theo dõi giá trị còn lại. Giá trị còn lại của tài sản cố định là nguyên giá sau khi trừ đi số khấu hao lũy kế của tài sản đó. Nghĩa là:

Giá trị còn lại = Nguyên giá – Giá trị hao mòn

Công ty áp dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng

$$\text{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

Ví dụ: Máy cắt dán túi có nguyên giá là 361.322.000 đồng, thời gian sử dụng là 7 năm theo khung quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ - BTC. Mức khấu hao tháng của máy cắt dán túi là:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{361.322.000}{7 \times 12} = 4.301.452$$

Với các tài sản cố định khác dựa vào Khung quy định, kế toán sẽ xác định thời gian sử dụng của tài sản và xác định mức khấu hao theo tháng tương tự như máy cắt dán túi.

Biểu số 2.17.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO
Tháng 1 Năm 2009

STT	Tên tài sản	Số năm sử dụng	Nguyên giá	Mức KH năm	Mức KH tháng 1	Nơi sử dụng	
						TK 154	TK 642
1	Máy cắt dán túi	7	361.322.000	51.617.429	4.301.452	4.301.452	
2	03 máy Bag Making machine	7	613.388.000	87.626.857	7.302.238	7.302.238	
3	Máy thổi màng 3 lớp	7	1.412.013.000	201.716.143	16.809.678	16.809.678	
4	Máy chia cuộn	7	188.968.800	26.995.543	2.249.629	2.249.629	
5	Dây chuyền máy thổi màng PE	7	318.900.000	45.557.143	3.796.429	3.796.429	
6	Máy in bán tự động	7	306.590.000	43.798.571	3.649.881	3.649.881	
7	Máy ghép khô	7	1.346.431.650	192.347.379	16.028.948	16.028.948	
8	Máy làm lạnh	5	114.285.714	22.857.143	1.904.762	1.904.762	
9	Trạm biến áp	10	372.727.273	37.272.727	3.106.060	3.106.060	
...						
Cộng			7.150.321.524	1.020.437.503	85.036.459	75.751.092	9.285.367

Ngày... tháng... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao kế toán lập chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.18.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 75

Ngày 31 Tháng 01 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Trích khấu hao TSCĐ tháng 1/2009	1543 642	214 214	75.751.092 9.285.367
Tổng cộng			85.036.459

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

* Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Chi phí dịch vụ mua ngoài của Công ty TNHH Đức Anh là chi phí về tiền điện sản xuất. Công ty sử dụng máy phát điện 3 pha dùng cho sản xuất. Sau đây là hóa đơn tiền điện tháng 1/2009:

Mẫu số: 01 GTKT - 2LN - 01

HOÁ ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(Liên 2 : Giao khách hàng)

Ký hiệu: BA/2009T

Số :.....

Cty TNHH MTV điện lực HP Kỳ: 1 từ ngày 16/12/2008 đến ngày 15/01/2009

Điện lực: Lê Chân MST: 0200340211 - 003

Địa chỉ: Số 85 Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng

Điện thoại: 0312211281 Tài khoản: 0751000502001 NH TMCP An Bình

Tên & địa chỉ khách hàng: Cty TNHH Đức Anh - Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm - Lê Chân

MSTKH: 020038686 Mã KH: 904263971 Số C.tơ: 022012

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
1784	1650	120	16080		
Ngày : TUQ Giám đốc		Trong đó	16080	893	14.359.440
		Cộng			14.359.440
		Thuế suất GTGT : 10%. Thuế GTGT			1.435.944
		Tổng cộng tiền thanh toán			15.795.384
Số viết bằng chữ : Mười năm triệu bảy trăm chín năm nghìn ba trăm tám tư đồng					

Biểu số 2.19.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 23/01/2009

Số: 45

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Quyên

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Chi tiền điện sản xuất và tiền thuế GTGT tháng 1/2009

Số tiền: 15.795.384 VND

Số tiền bằng chữ: Mười năm triệu bảy trăm chín năm nghìn ba trăm tám tư đồng.

Kèm theo chứng từ gốc

Ngàythángnăm 2009

Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)	KT trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ quỹ (Ký, ghi rõ họ tên)	Người lập phiếu (Ký, ghi rõ họ tên)	Người nhận tiền (Ký, ghi rõ họ tên)
--	---	---------------------------------------	---	---

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):

Mười năm triệu bảy trăm chín năm nghìn ba trăm tám tư đồng.

Căn cứ vào hoá đơn tiền điện và phiếu chi, kế toán lập chứng từ ghi sổ

Biểu số 2.20.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số : S02a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 35

Ngày 23 Tháng 01 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Tiền điện sản xuất tháng 1/2009	1543	1111	14.359.440
Thuế GTGT	133	11111	1.435.944
Tổng cộng			15.795.384

Kèm theo 2 Chứng từ gốc

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ phát sinh trong kỳ kế toán lập Sổ cái.

Biểu số 2.21.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số: S02c1 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tháng 1 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.325.014.372	
...				
23/01	35	23/01	Tiền điện sản xuất tháng 1/2009	111	14.359.440	
...				
31/01	74	31/01	Xuất kho dụng cụ phục vụ sản xuất sản phẩm	153	9.894.610	
31/01	75	31/01	Trích khấu hao TSCĐ tháng 1/2009	214	75.751.092	
...				
			Cộng phát sinh		1.926.570.092	791.980.434
			Số dư cuối kỳ		2.459.694.030	

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH Đức Anh)

CPSXC được tập hợp chung cho các đơn hàng. Vì vậy, để tính cho 1 đơn hàng CPSXC phải được phân bổ theo 1 tiêu thức nhất định. Ngành sản xuất bao bì nhựa phải sử dụng hết nhiều nguyên vật liệu nên Công ty đã phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại đơn hàng theo CPNVLT.

$$\text{Mức phân bổ CPSXC cho từng đơn hàng} = \frac{\text{CPNVLT của đơn hàng}}{\text{Tổng CPNVLT}} \times \text{CPSXC}$$

Chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng 1/2009 là 160.457.628 nên mức phân bổ chi phí sản xuất chung cho đơn hàng số 25 là:

$$\begin{aligned} \text{Mức phân bổ CPSXC cho đơn hàng số 25} &= \frac{32.901.812}{1.598.428.150} \times 116.889.142 \\ &= 2.406.029 \end{aligned}$$

Biểu số 2.22.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 1/2009

STT	Đơn hàng	Tiêu thức (CPNVLT)	Chi phí sản xuất chung
...		
23	Đơn hàng số 23	38.030.650	2.781.008
24	Đơn hàng số 24	41.374.689	3.025.629
25	Đơn hàng số 25	32.901.812	2.406.029
...		
	Cộng	1.598.428.150	116.889.142

Biểu số 2.23.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

Mẫu số : S36 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 1543

Tên sản phẩm: Túi xốp Tràng An – Đơn hàng số 25

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
SH	NT			Nợ	Có	15431	15433	15434	15438
		Số dư đầu kỳ							
BPB CPSXC T1		Chi phí sản xuất chung phân bổ cho ĐH 25		2.406.029					
			334			347.537			
			153				203.669		
			214					1.559.249	
			111						295.574
PN 40	31/1	Nhập kho túi xốp Tràng An	155		2.406.029				
		Cộng phát sinh		2.406.029	2.406.029				
		Số dư cuối kỳ							

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.**2.2.4.4.1. Hệ thống chứng từ tài khoản và sổ sách sử dụng**

* TK sử dụng: TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

* Hệ thống chứng từ và sổ sách sử dụng: Sổ chi phí sản xuất, Chứng từ ghi sổ, Bảng tính giá thành, Sổ cái TK 154

2.2.4.4.2. Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.

Công ty tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo đơn hàng. Tất cả các loại chi phí phát sinh được kế toán tập hợp trực tiếp vào TK 154.

Công ty TNHH Đức Anh tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng như sau :

Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành = Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm = $\frac{\sum \text{giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$

Vì Công ty sản xuất theo đơn đặt hàng nên các sản phẩm sản xuất ra trong kỳ phải đáp ứng đủ số lượng theo yêu cầu thì mới giao hàng được. Do đó, doanh nghiệp không có CPSXDD đầu kỳ và CPSXDD cuối kỳ của đơn hàng số 25.

Chi phí sản xuất phát sinh của đơn đặt hàng số 25 bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 32.901.812
- Chi phí nhân công trực tiếp: 2.347.423
- Chi phí sản xuất chung: 2.406.029

Biểu số 2.24.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH

Đơn đặt hàng số 25

Tên khách hàng: Công ty cổ phần Tràng An Ngày đặt hàng: 10/01/2009

Sản phẩm: Túi xốp Ngày bắt đầu sản xuất: 11/01

Mã số công việc: CV- 25 Ngày hoàn thành: 31/01

Đơn vị tính: Cái

Khoản mục chi phí	Giá trị SP dở dang đầu kỳ	CP sx phát sinh	Giá trị SP dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành
1.CPNVLTT	-	32.901.812	-	32.901.812
2.CPNCTT	-	2.347.423	-	2.347.423
3.CPSXC	-	2.406.029	-	2.406.029
Tổng		37.655.264		37.655.264

Sau khi tính được giá thành sản phẩm túi xốp sẽ được nhập kho.

Biểu số 2.25.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_ Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_ Lê Chân_ Hải Phòng

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ -
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Số: 40

Ngày 31 tháng 1 năm 2009

Họ tên người giao hàng: Anh Hà.....

Diễn giải: Nhập kho túi xốp Tràng An.....

Nhập tại kho: Kho 3.....Địa điểm: Công ty TNHH Đức Anh.....

Số TT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Túi xốp Tràng An		Cái	50.000	50.000	753,1	37.655.264
Cộng							37.655.264

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu tư đồng.

Ngày...tháng...năm....

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 105

Ngày 31 Tháng 01 Năm 2009

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền
	TK Nợ	TK Có	
A	B	C	1
Nhập kho túi xốp Tràng An	155	154	37.655.264
Tổng cộng			37.655.264

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày.... tháng..... năm 200.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.27.

Công ty TNHH Đức Anh

Nhà máy 2_Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm_Lê Chân_Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN**Tài khoản : 154 - CPSXKD dở dang**

Tháng 1 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.325.014.372	
.....			
31/1	103	31/1	Giá thành màng thạch xuất bán cho Tam Dương	632		43.525.005
31/1	104	31/1	Nhập kho màng cháo	155		47.352.250
31/1	105	31/1	Nhập kho túi xốp Tràng An	155		37.655.264
.....			
			Cộng phát sinh		1.926.570.092	791.890.434
			Số dư cuối kỳ		2.459.694.030	

Ngày... tháng... năm 200.....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC ANH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty

Công ty TNHH Đức Anh là một doanh nghiệp mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng sản phẩm của Công ty đã được khách hàng chấp nhận và tạo được chỗ đứng trên thị trường. Có được kết quả này là nhờ vào nỗ lực phấn đấu của tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của phòng tài chính – kế toán.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, được tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này, em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét, một vài kiến nghị về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm với mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình để củng cố và hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Công ty TNHH Đức Anh là một đơn vị sản xuất kinh doanh có số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên tục và nhiều. Công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được lãnh đạo đơn vị rất quan tâm để phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành doanh nghiệp đã đạt được những ưu điểm sau:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo Công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập,

kiểm tra, xử lý được gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này là phù hợp với địa bàn, quy mô vừa và nhỏ của doanh nghiệp, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty.

- Bộ máy kế toán tại Công ty gồm 6 người, hoạt động có hiệu quả, có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình tại Công ty. Thêm vào đó, bộ máy kế toán có sự phân nhiệm rõ ràng cho từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phân hành kế toán liên quan, nhân viên kế toán với tác phong làm việc khoa học, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc nên phòng kế toán Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Thứ hai, về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán: Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của Công ty.

Thứ ba, về sổ sách kế toán: Hệ thống sổ kế toán của Công ty có ưu điểm là đơn giản, gọn nhẹ, không công kênh. Kế toán áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty.

Thứ tư, đối với kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

- Công ty áp dụng phương pháp ghi thẻ song song trong kế toán nguyên vật liệu là phù hợp với yêu cầu quản lý. Quá trình hạch toán chi tiết vật tư được tiến hành song song giữa thủ kho và kế toán đảm bảo cho việc theo dõi vật tư thường xuyên, giúp cho nhà quản trị có kế hoạch thu mua và dự trữ nguyên vật liệu tránh tình trạng ứ đọng vốn cũng như ngưng trệ sản xuất do thiếu nguyên vật liệu này, thừa nguyên vật liệu khác.

Thứ năm, về công tác tập hợp chi phí sản xuất: Đối với khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty TNHH Đức Anh đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất là phù hợp với điều kiện

nền kinh tế thị trường hiện nay. Phương pháp này giúp kế toán thu thập được thông tin về biến động giá một cách thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn chú ý tới việc quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ nhằm tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Thứ sáu, về công tác tính giá thành: Công ty TNHH Đức Anh áp dụng tính giá thành theo đơn đặt hàng là hoàn toàn hợp lý, xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh ở Công ty. Thêm vào đó, với mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất của máy móc, thiết bị sản xuất... Nhờ vậy, hiệu quả sản xuất của Công ty tăng lên rõ rệt.

Có thể nói công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho yêu cầu quản trị tại Công ty.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã được đề cập ở trên thì công tác kế toán nói chung, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn nữa. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập qua thời gian nghiên cứu tại Công ty em xin đưa ra một số ý kiến sau:

Thứ nhất, tại Công ty TNHH Đức Anh, công tác hạch toán kế toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một phần hành kế toán nào. Chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở Công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra các số liệu kế toán – tài chính cũng khó khăn hơn.

Thứ hai, về vấn đề tiền lương, Công ty trả lương theo thời gian và chưa có chính sách thưởng cho người lao động nên chưa khuyến khích được người lao động tích cực hơn trong công việc chưa gắn được năng suất lao động với thù lao lao động. Vì vậy, hiệu quả sản xuất chưa cao.

Thứ ba, Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Khi sửa chữa lớn phát sinh thì hạch toán luôn vào chi phí trong tháng theo định khoản:

Nợ TK 154

Có TK 111,112,331...

Việc hạch toán trực tiếp như trên sẽ đẩy chi phí sản xuất trong tháng đó tăng lên. Do đó không đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Thứ tư, Công ty chưa thực hiện các khoản hạch toán thiệt hại trong quá trình sản xuất như: thiệt hại về sản phẩm hỏng... Những thiệt hại này gây ra tổn thất cho Công ty làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Thứ năm, Công ty không hạch toán việc thu hồi phế liệu. Giá trị thu hồi phế liệu là một khoản làm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Thứ sáu, Công ty áp dụng kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ nhưng lại không có Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty

Mục tiêu của bất cứ doanh nghiệp nào cũng là lợi nhuận mà muốn thu được lợi nhuận cao thì có rất nhiều cách nhưng con đường cơ bản lâu dài là phải hạ thấp giá thành sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Muốn hạ thấp giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp phải hạ thấp chi phí tức là sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng tối đa công suất máy móc, thiết bị và không ngừng nâng cao năng suất lao động. Trong cơ chế thị trường hiện nay mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp phải tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường đầy cạnh tranh khốc liệt và biến động.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin về chi phí sản xuất, giá thành phục vụ cho việc xác định giá thành phẩm tồn kho, giá vốn, giá bán, lợi nhuận.

Yêu cầu của công tác quản lý nói chung, công tác quản lý sản xuất nói riêng đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất một

cách chính xác. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, trung thực về mặt hao phí của từng loại chi phí mà cả về mặt tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc về đánh giá và phản ánh đúng giá trị thực tế của chi phí ở thời điểm phát sinh chi phí. Kế toán chính xác chi phí đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép, tính toán và phản ánh từng loại chi phí sản xuất theo đúng địa điểm phát sinh chi phí và theo đúng đối tượng chịu chi phí.

Bên cạnh đó, chúng ta biết giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn sử dụng chỉ tiêu giá thành sản phẩm vào quản lý, cần thiết phải tổ chức tính đúng, tính đủ giá thành của các loại sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra. Tính đúng là tính chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất sản phẩm. Muốn vậy, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp và giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu kế toán tập hợp chi phí một cách chính xác. Tính đủ là tính toán đầy đủ mọi hao phí đã bỏ ra trên cơ sở hạch toán kinh doanh để tính đủ đầu vào theo đúng chế độ quy định. Tính đủ cũng đòi hỏi loại bỏ những chi phí không liên quan, cần thiết đến việc sản xuất sản phẩm như : những khoản chi lãng phí không hợp lý, những khoản thiệt hại không được quy trách nhiệm đầy đủ...

Chi phí và giá thành là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của doanh nghiệp. Vì vậy, việc xác định đúng đủ chi phí, giá thành có ý nghĩa vô cùng to lớn giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn để đạt hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành luôn cần được xem xét và đổi mới để phù hợp với điều kiện của Công ty, tìm ra những phương hướng hiệu quả hơn đối với việc xây dựng công cụ tính giá thành đảm bảo mục tiêu tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Để đạt được điều này, Công ty TNHH Đức Anh cần có các biện pháp như: tận dụng tối đa công suất làm việc của máy móc thiết bị, nâng cao năng suất lao động... Tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định tối ưu. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là yêu cầu khách quan, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đức Anh.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và qui mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những qui định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy, phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty.

3.4.1. Kiến nghị 1 : Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Tại Công ty TNHH Đức Anh, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- *Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam với giá 10.000.000 đồng.*
- *Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA với giá 7.950.000 đồng.*
- *Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST Việt Nam với giá 5.000.000 đồng.*

.....

Khi sử dụng phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

3.4.2. Kiến nghị 2: Vấn đề tiền lương

Công ty nên áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm kết hợp với trả lương theo thời gian để khuyến khích người lao động tích cực hơn trong công việc. Bên cạnh đó, Công ty nên có chính sách thưởng cho người lao động để kích thích tinh thần lao động của người lao động, người lao động sẽ hăng say, nhiệt tình làm tăng năng suất lao động. Chính sách tiền thưởng có thể thực hiện thông qua đơn giá tiền lương sản phẩm có thưởng để áp dụng cho người lao động hưởng lương theo sản phẩm.

3.4.3. Kiến nghị 3 : Về các thiệt hại trong quá trình sản xuất

Thiệt hại trong quá trình sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiệt hại có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc nguyên nhân khách quan nhưng kết quả đều gây ra tổn thất cho Công ty, làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Các khoản thiệt hại cần được hạch toán đầy đủ để đảm bảo được độ chính xác của giá thành sản phẩm.

* **Thiệt hại về sản phẩm hỏng:** Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không đúng quy cách, tiêu chuẩn, kích cỡ, trọng lượng, màu sắc...Hiện nay, Công ty TNHH Đức Anh không hạch toán phần này vì tỷ lệ sản phẩm hỏng rất nhỏ chỉ khoảng 1%. Tuy nhiên, Công ty vẫn nên hạch toán khoản thiệt hại này, tìm đúng nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì tổ đó phải chịu trách nhiệm. Nếu là sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý càng sớm càng tốt để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa mức thiệt hại.

Tùy theo mức độ mà sản phẩm hỏng được chia làm hai loại:

- + Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.
- + Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa và việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

Trong quan hệ với công tác kế hoạch, cả hai loại sản phẩm nói trên lại được chi tiết thành sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức:

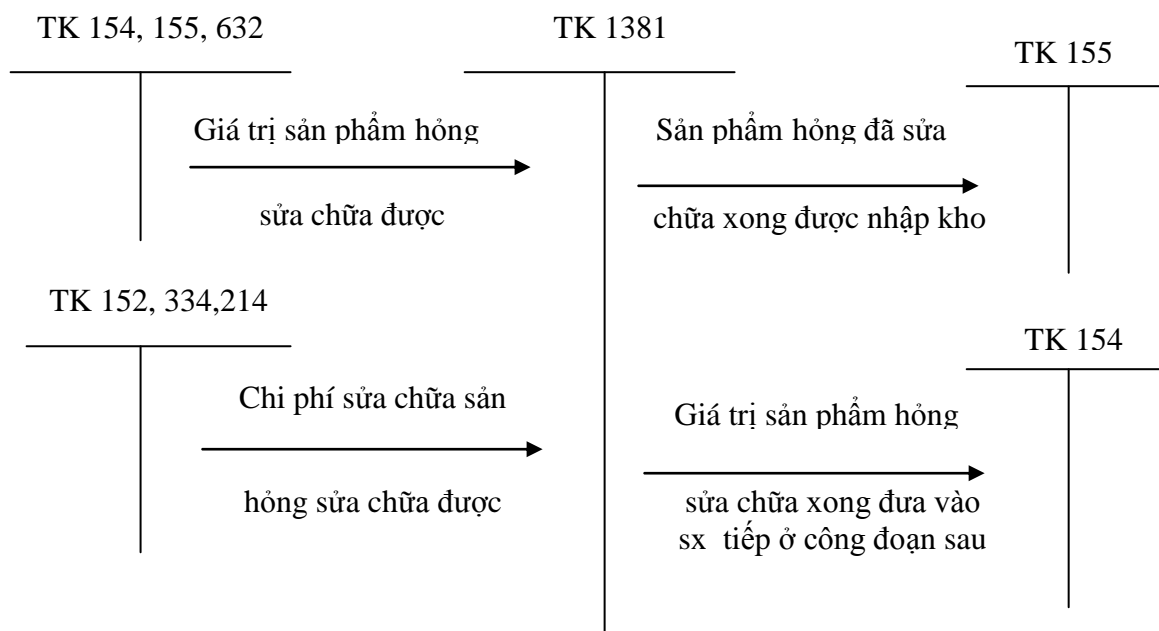
- + Sản phẩm hỏng trong định mức là những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong sản xuất. Đây là những sản phẩm hỏng được xem là không tránh khỏi trong quá trình sản xuất nên phần chi phí cho những sản phẩm này được coi là chi phí sản xuất chính phẩm. Sở dĩ đa số các doanh nghiệp chấp nhận một tỷ lệ sản phẩm hỏng vì họ không muốn tốn thêm chi phí để hạn chế hoàn toàn sản phẩm hỏng do việc bỏ thêm chi phí này tốn kém hơn nhiều so với việc chấp nhận một tỷ lệ tối thiểu về sản phẩm hỏng.
- + Sản phẩm hỏng ngoài định mức là những sản phẩm nằm ngoài dự kiến của nhà sản xuất do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng... Do xảy ra bất thường không được chấp nhận nên chi phí của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm mà được xem là khoản phí tổn thời kỳ, phải trừ vào thu nhập.

Tồn tại sản phẩm hỏng là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, Công ty nên dự kiến một tỷ lệ sản phẩm hỏng – sản phẩm hỏng trong định mức.

Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức được tính như sau:

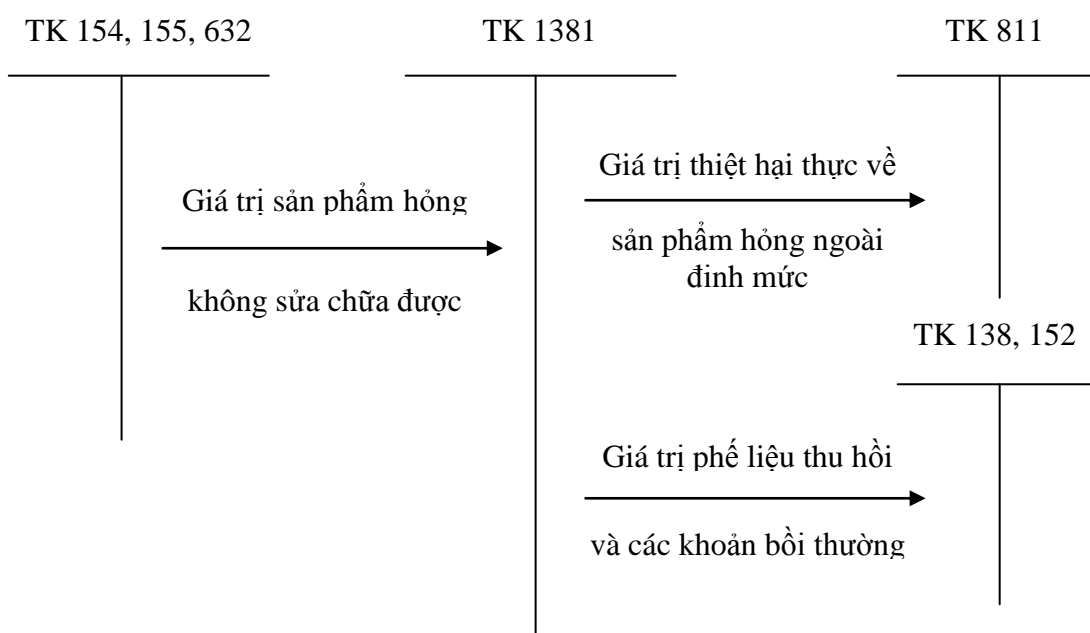
$$\begin{array}{rclcl}
 \text{Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức} & = & \text{Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được} & + & \text{Chi phí sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được} & - & \text{Giá trị thu hồi (nếu có)}
 \end{array}$$

Sơ đồ 3.1: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được



Toàn bộ phần thiệt hại này tính vào chi phí sản xuất sản phẩm và được hạch toán như đối với chính phẩm.

Sơ đồ 3.2: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng không sửa chữa được



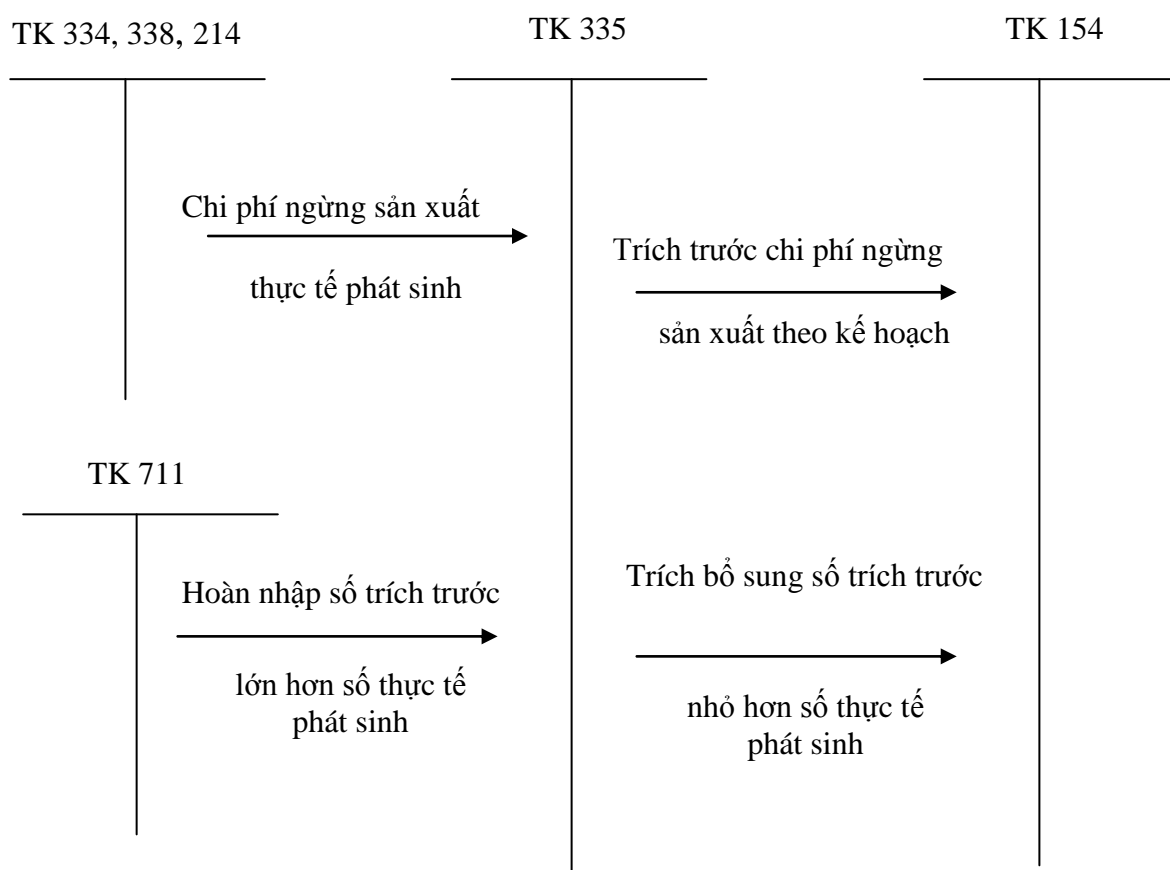
Thiệt hại của những sản phẩm hỏng ngoài định mức, kế toán phải theo dõi riêng đồng thời xem xét từng nguyên nhân gây ra sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý.

*** Thiệt hại về ngừng sản xuất**

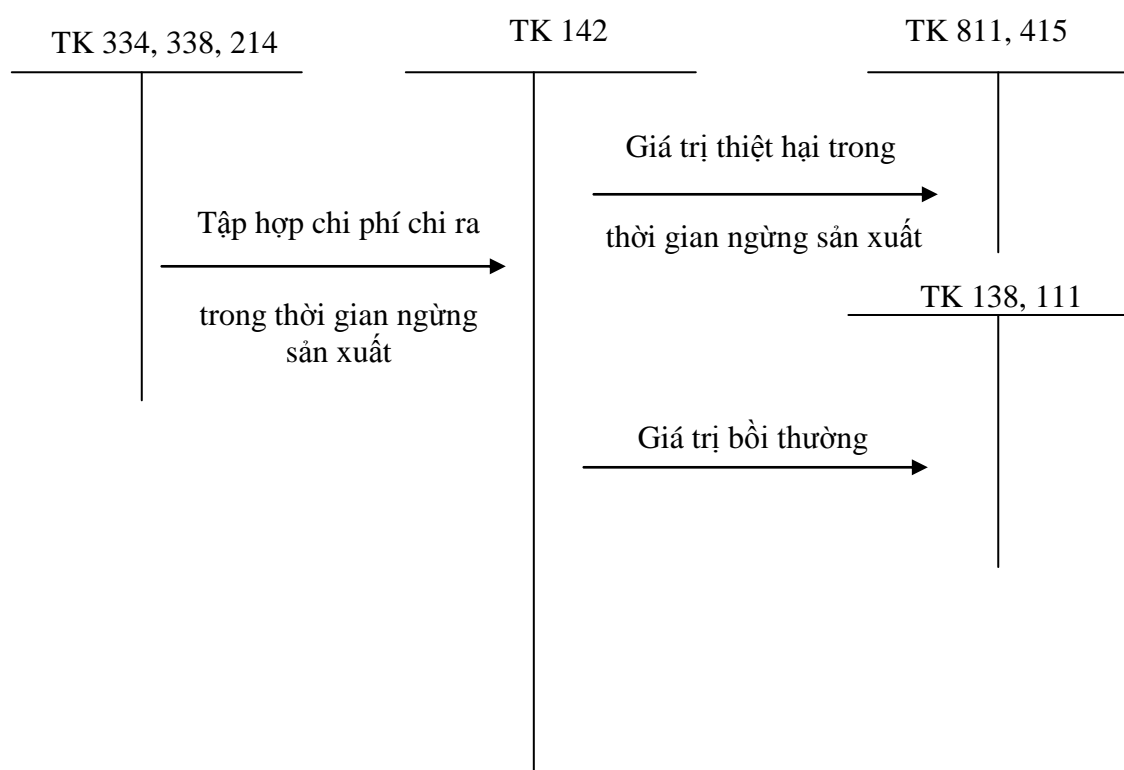
Trong thời gian ngừng sản xuất, vì nguyên nhân khách quan hay chủ quan, các doanh nghiệp phải bỏ ra một số chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ... Những khoản chi phí chi ra trong thời gian này được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất.

Với những khoản chi phí về ngừng sản xuất theo kế hoạch dự kiến, kế toán theo dõi trên TK 335. Trường hợp ngừng sản xuất bất thường, các chi phí bỏ ra trong thời gian này do không được chấp nhận nên phải theo dõi riêng.

Sơ đồ 3.3: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch



Sơ đồ 3.4: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch

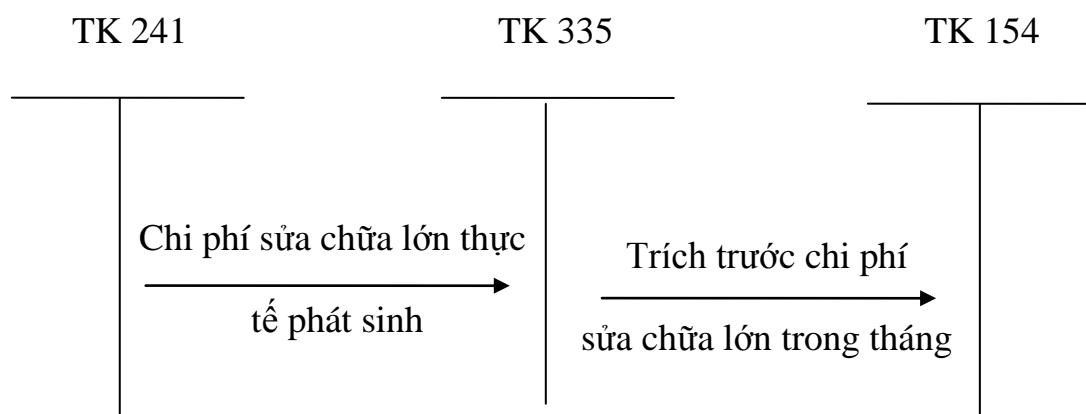


3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Để ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phát sinh trong kỳ thì Công ty cần phải trích trước chi phí sửa chữa lớn, việc xác định mức trích chi phí sửa chữa lớn hàng tháng có thể căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn trong năm hoặc chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh vào năm trước. Khi đó, mức trích chi phí sửa chữa lớn trong tháng sẽ tính theo công thức:

$$\text{Chi phí sửa chữa lớn trong tháng} = \frac{\text{Chi phí sửa chữa lớn trong năm}}{12}$$

Sơ đồ 3.5: Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ



3.4.5. Kiến nghị 5: Về cách thức phân loại chi phí

Để tăng cường cho công tác quản trị chi phí, Công ty nên phân loại chi phí sản xuất theo cách ứng xử của chi phí để thấy được những chi phí này tăng giảm như thế nào đối với các mức độ thay đổi của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

- ◆ Chi phí biến đổi (biến phí)
- ◆ Chi phí cố định (định phí)
- ◆ Chi phí hỗn hợp (gồm cả biến phí lẫn định phí)

Mô hình ứng xử của 3 yếu tố chi phí

Các khoản mục của chi phí	Mô hình ứng xử
- Nguyên vật liệu trực tiếp	- Luôn luôn khả biến
- Nhân công trực tiếp	- Luôn luôn khả biến
- Sản xuất chung	+ Khả biến + Cố định + Hỗn hợp

Phân loại chi phí theo cách này giúp doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm bằng cách tăng mức độ hoạt động trong phạm vi phù hợp để hạ thấp định phí đơn vị sản phẩm.

Phân loại chi phí theo cách ứng xử và ứng dụng cách phân loại này nhằm giúp Công ty phân loại chi phí cho hợp lý, tránh các chi phí lãng phí không đáng có đồng thời áp dụng để định giá bán cho sản phẩm.

3.4.5. Kiến nghị 6: Về sổ sách kế toán

Hiện nay, Công ty không có Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát chứng từ ghi sổ, đối chiếu số liệu kế toán.

Biểu 3.1:

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm:....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
- Cộng tháng			- Cộng tháng		
- Cộng lũy kế từ đầu quý			- Cộng lũy kế từ đầu quý		

- Sổ này có trang đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày... tháng... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Để kế toán phát huy hết hiệu quả của mình trong quản lý kinh tế, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một tất yếu khách quan.

Qua thời gian thực tập, trên cơ sở kiến thức, phương pháp luận đã thu nhận được ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở Công ty, bài viết này của em đã khái quát được lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, nắm bắt được thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH Đức Anh, nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và mạnh dạn đưa ra những tồn tại và đề xuất một số ý kiến nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty với mong muốn góp phần vào việc củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, do thời gian, trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô, các bác trong phòng kế toán Công ty để bài viết cũng như kiến thức của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy giáo Thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, cảm ơn các cô, các bác trong phòng kế toán của Công ty TNHH Đức Anh cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

Phạm Thị Kim Oanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính – PGS.TS. Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản Thống kê – 2007
2. Kế toán chi phí – Th. s Bùi Văn Trường – Nhà xuất bản Lao động Xã hội – 2006
3. Kế toán phân tích chi phí – giá thành trong doanh nghiệp – PGS.TS Nguyễn Đình Đỗ, TS. Trương Thị Thủy, TS. Nguyễn Đình Cơ, Th.s Nghiêm Thị Thà – Nhà xuất bản Tài chính – 2006
4. 333 sơ đồ kế toán áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp – PGS.TS Võ Văn Nhị - Nhà xuất bản tài chính – 2007
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Thống kê – 2006